

PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 287, NĂM THỨ 21

THÁNG 6-2018



Điện Tử Thư (E-Mail): huynhaitong@gmail.com

Mạng Nhện Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphathoc.org>



NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

PHÚC TRUNG

Thủ Quỹ:

DIỆU LAN

Kiểm Soát:

PHƯỚC SƠN

Ban Biên Tập:

**BÌNH ANSON
CHÂN ĐẠI LƯỢNG
MINH HÒA
NHÂN CA
TÂM KHÔNG
TÂM TUỆ TĨNH
TUỆ VIÊN**

Cộng Tác:

**CHÍNH HẠNH
HÀN TRÚC
HỒNG DƯƠNG
MINH CHÁNH
MINH ĐỨC
TRẦN TRUNG ĐẠO**

Kỹ Thuật:

**MINH HÒA
NHÂN CA**

Mục Lục

<i>Bình thường tâm thi Đạo</i>	BBT	3
<i>Tâm điểm của Thiền đình Chương 5</i>	Hoang Phong dịch	4
<i>Ngôi chùa không hòm công đức</i>	Sru tâm	8
<i>Pháp Cú 239</i>	HT. Thích Minh Châu dịch	9
<i>Hư Hư Lục: Thân Giáo</i>	Thích Nữ Như Thủy	9
<i>Nói gì với giới Trẻ về Phật Giáo</i>	Nguyen Giác	10
<i>Con đường độc nhất đi đến Niết Bàn</i>	Như Không	18
<i>Thơ: Mấy lần đau</i>	Phổ Đồng	26
<i>Tình Đô Tông Trung Hoa, VN và Nh. Bản Theo Wikipedia</i>		27

Tranh bìa

Hoa Sen

**Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có bài
đăng trong**

Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoàng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

Ban Biên Tập

Nguyệt San Phật Học

Bình thường Tâm thị Đạo

Câu chuyện ngài Triệu Châu đến hỏi đạo ngài Nam Tuyền.

Ngài Triệu Châu hỏi ngài Nam Tuyền:

- Thế nào là đạo?

Ngài Nam Tuyền đáp

- Bình thường tâm thị đạo.

Ngài Triệu Châu hỏi thêm:

- Lại có thể nhằm tiến đến chăng?

Nếu nói tâm bình thường là đạo như vậy mình có thể nhằm tiến tới để được tâm đó hay không?

Ngài Nam Tuyền trả lời:

- Nghi nhằm tiến đến là trái. Vì vừa nghi tiến đến để đạt đạo là trái với đạo rồi.

Ngài Triệu Châu hỏi thêm:

- Khi chẳng nghi làm sao biết là đạo?

Theo quan niệm của ngài Triệu Châu là muốn biết đạo phải do nghi mà biết, nay không do nghi tiến đến thì làm sao biết đạo?

Ngài Nam Tuyền đáp:

- Đạo chẳng thuộc biết, chẳng biết, biết là vọng giác, không biết là vô ký, nếu thật đạt đạo thì chẳng nghi, ví như hu không thênh thang rỗng rang, đâu thể dối nói phải quấy.

Ngay đó ngài Triệu Châu liền ngộ Đạo

BBT/NS/PHẬT HỌC

TÂM ĐIỂM CỦA THIỀN ĐỊNH

Khám phá tâm thức thần bí nhất

Đức ĐẠT-LAI LẠT-MA - Hoang Phong chuyển ngữ

Chương 5

Căn bản chung của tất cả các học phái Phật giáo Tây Tạng

Tôi muốn nhấn mạnh một điều vô cùng quan trọng là đã từng có rất nhiều các vị đại sư từ các học phái khác nhau trong Phật giáo Tây Tạng xác nhận là tất cả các học phái của họ đều được thiết lập trên cùng một nền tảng chủ yếu giống nhau. Tuy nhiên tôi cũng phải giải thích thêm về điểm này. Dù rằng sự phân tích các học phái trên đây có thể đưa đến một vài tranh cãi (*tuy chủ trương cùng một nền tảng nhưng cũng có những điểm dị biệt*), dầu sao đi nữa, rất nhiều nhà du-gia lòng danh và vô cùng uyên bác đều thừa nhận rằng trên căn bản thì toàn bộ các hệ thống triết học [của Phật giáo Tây Tạng] đều được thiết lập trên một nền tảng tối thượng xoay quanh một quan điểm chung, một nguyên tắc chung. Nguyên tắc đó giống nhau [giữa các học phái], bởi vì tất cả đều được xây dựng dựa trên một sự cảm nhận tối thượng làm nền tảng chung. Dầu sao thì những lời tuyên bố ấy [của các nhà du-gia uyên bác] cũng không phải là hoàn toàn mang tính cách dung hòa hay lịch sự bề ngoài nào đó.

Một khi đã công nhận có một điểm trùng hợp [giữa các học phái] như trên đây thì điểm ấy là gì? Đối với tôi thật hết sức quan trọng là phải khám phá và tìm hiểu điểm

trùng hợp của sự hiểu biết và các sự nhận thức ấy. Tuy nhiên mỗi hệ thống [triết học] đều có một hệ thống thuật ngữ riêng, mang các nét đặc thù và chuyên biệt nhằm giải thích về một số điểm cá biệt nào đó. Nếu muốn vượt qua các khó khăn tạo ra bởi sự dị biệt về thuật ngữ này thì nhất thiết phải căn cứ vào bối cảnh mà các thuật ngữ ấy được sử dụng, cũng như ý nghĩa của chúng trong từng trường hợp một, nhưng không được thoát ra ngoài nguyên tắc căn bản chung.

Trong các kinh sách thừa hưởng từ [Phật giáo] Ấn Độ thì nguyên tắc căn bản đó lúc thì được gọi là "tâm thức tự tại và nguyên sinh của ánh sáng trong suốt", lúc thì được gọi là "trí tuệ tự tại nguyên sinh của ánh sáng trong suốt" - thế nhưng cả hai cách gọi này đều mang cùng một ý nghĩa như nhau. Trong một số kinh sách khác thì nguyên tắc căn bản trên đây được gọi là "tâm thức vajra/kim cương xuyên thấu không gian", và trong các kinh sách khác nữa thì được gọi là "tâm thức minh châu", chẳng hạn như trong câu phát biểu: "Nếu không có tâm thức minh châu thì cũng sẽ không có Phật, và cũng không có chúng sinh".

(Xin mạn phép giải thích thêm về ý nghĩa của thuật ngữ "tâm thức" trong Phật giáo. "Tâm thức" là cấu hợp thứ năm trong số năm thứ cấu hợp - còn gọi là "ngũ uẩn" - tạo ra một cá thể, tiếng Phạn gọi là "cấu hợp tri

thức/Vijnana-skandha"hay là ċitta."Ngôn ngữ Tây Phương gọi là aggregates of consciousness/agrégats des consciences, tức là Cấu hợp tâm thần"của một cá thể, gồm có năm thứ tri thức cảm giác"phát sinh từ mắt, tai, mũi, lưỡi, da thịt và tri thức tâm thần"tức là tri thức thứ sáu, gồm các cảm nhận hiện lên bên trong nội tâm một cá thể. Cấu hợp tâm thần"được gọi bằng một thuật ngữ thông dụng là tâm thức"/spirit/esprit, các thể loại cấu hợp của tâm thức thì được gọi chung bằng một thuật ngữ thông dụng là tri thức"/consciousness," trong đó tri thức tâm thần"-thông thường được gọi một cách vắn tắt là tri thức/consciouness - là thể loại quan trọng nhất trong số sáu thể loại tri thức, bởi vì tri thức"này là đối tượng của việc tu tập Phật giáo nói chung, nói một cách khác thì tu tập Phật giáo có nghĩa là biến cải tri thức vô minh"- hay tâm thức vô minh"với ý nghĩa rộng - của mình trở thành tri thức giác ngộ của một vị Phật." Vậy mỗi khi đọc kinh sách, tìm hiểu hay tu tập Phật giáo thì cũng nên quan tâm đến các cách định nghĩa trên đây của các chữ tâm thức"và tri thức"trong kinh sách cũng như trên phương diện thông dụng).

Ở Tây Tạng, người ta thường thấy trong một số kinh sách có nói đến "tâm thức thông thường " và "tâm thức thần bí nhất". Các thuật ngữ này thường được sử dụng trong các cuộc tranh luận liên quan đến sự giải thoát tư duy (*loại bỏ tư duy trong sự vận hành của tâm thức*). Trong lãnh vực tâm lý học và qua các kinh nghiệm cảm nhận, thì sự giải thoát tư duy này có nghĩa là một sự "tự-giải-thoát"/"auto-libération"/"self-liberation hay một sự "giải thoát trần trụi"/"libération nue"/"naked release". Chúng ta sẽ tìm hiểu

chi tiết hơn dưới đây.

Tâm thức thần bí nhất được xem như nền tảng đưa đến sự hiển hiện của bánh xe khổ đau còn gọi là *samsara/ta-bà*, thế nhưng cũng là nền tảng mang lại sự giải thoát hay "nirvana"/niết-bàn. Không có một ngoại lệ nào cả, tất cả [các thứ ấy: ta-bà, niết-bàn, khổ đau, giải thoát...] đều hiện hữu đầy đủ trên dòng luân lưu/continuum của tâm thức thần bí nhất, dòng luân lưu đó của tâm thức "hiển lộ một cách tự nhiên" từ muôn thuở và sẽ còn tiếp tục cho đến bất tận (*độc giả có thể xem lại tâm nhìn bao quát này về sự hình thành và tiến hoá của chúng sinh và sự sống nói chung trong thế giới hiện tượng, mà Đức Đạt-lai Lạt-ma đã nêu lên trong chương 3*).

Tất cả các hiện tượng liên quan đến sự hiển hữu chu kỳ và cả nirvana/niết-bàn, nếu được đơn giản hóa đến chỗ tinh túy nhất của chúng, thì chúng sẽ không còn tạo tác ra bất cứ một thứ gì khác qua quy luật nguyên nhân và hậu quả (*thể dạng sâu kín và tinh khiết nhất của mọi hiện tượng thoát ra khỏi sự chi phối của nguyên lý tương liên và quy luật nguyên nhân hậu quả. Thực hiện được thể dạng đó cũng có nghĩa là thoát ra khỏi thế giới hiện tượng*). Chúng ở thể dạng hoàn hảo và trọn vẹn từ bên trong bản thể của tâm thức nguyên sinh thần bí nhất, và tâm thức đó hiển lộ một cách tự nhiên. Tất cả [mọi thứ] đều hàm chứa bên trong bầu không gian của sự hiển lộ đó. Tại điểm khởi thủy (initial point), nền tảng của các sự hiển lộ đưa đến tất cả các hiện tượng trong thế giới khổ đau chính là "tâm thức vajra/kim cương của ánh sáng trong suốt". [Thế nhưng] ở cấp bậc tối hậu (ultimate point), thì nền tảng của các sự hiển lộ đưa đến sự hình thành của tất cả các

hiện tượng tinh khiết mang lại sự giải thoát cũng không phải là một thứ gì khác với "tâm thức vajra/kim cương của ánh sáng trong suốt".

Chủ đề trên đây thật đáng để tìm hiểu hầu mang lại cho mình một sự an bình nội tâm sâu sắc hơn. Đây là cách mở thật rộng tâm thức để vượt thoát dòng luân lưu của các thứ tư duy quen thuộc, hầu mang lại nhiều an bình hơn, không những đối với những gì chung quanh mình mà cả thế giới.

Tâm thức thần bí nhất thâm nhập vào tất cả các thể dạng tri thức

Ánh sáng trong suốt của tâm thức thần bí nhất có thể thâm nhập vào bất cứ một thể dạng tri thức nào. Tuyệt băng dù đông cứng đến đâu cũng không thể nào tách ra khỏi bản chất của nước. Cũng vậy, dù các khái niệm có thô thiển, tối tăm hay bình dị đến đâu thì nơi mà chúng phát lộ và cả nơi mà chúng tan biến khi chúng ta dừng lại sự suy nghĩ, cũng không tách ra khỏi tâm thức thần bí nhất (*khái niệm dù là dưới hình thức nào đều phát sinh từ sự suy nghĩ, khi sự suy nghĩ dừng lại thì chúng cũng tan biến theo, tất cả đều tàng ẩn thật sâu bên trong tâm thức thần bí nhất của mình*).

Tri thức khái niệm hiện lên từ *bên trong* bầu không gian của tâm thức thần bí nhất. Chính vì lý do này nên vào đầu thế kỷ XX, vị du-già Dodrubchen Jigme Tenpe Nyima (*là một vị thầy Tây Tạng, 1865-1926, thuộc học phái Nyingmapa. Các việc nghiên cứu và luyện tập của Đức Đạt-lai Lạt-ma về phép Dzogchen/Đại hoàn thiện chủ yếu được căn*

cứ vào giáo huấn của vị thầy này - gcts), thuộc học phái dịch thuật xưa (học phái Nyingmapa/Ninh-mã được hình thành từ thế kỷ thứ VIII, vào dịp hoàng đế Tây Tạng Trisong Detsen mời vị đại sư Shantarakshita, trụ trì đại học Nalanda viếng thăm hoàng triều Tây Tạng và thuyết giảng Đạo Pháp năm 767. Cũng nhân dịp này hoàng đế Trisong Datsen lần đầu tiên ra lệnh phải dịch Kinh điển Phật giáo sang tiếng Tây Tạng. Từ việc dịch thuật này đã đưa đến sự hình thành của học phái Nyingmapa, và cũng do đó học phái này được gọi là học phái dịch thuật xưa"- gcts), có nói rằng chẳng khác gì như hạt mè tằm đầy dầu, ánh sáng trong suốt cũng vậy, cũng thấm đượm bên trong toàn thể tri thức. Do đó vị du-già trên đây cho rằng dù trong lúc xảy ra các cấp bậc hiển lộ thô thiển của tâm thức - khi chúng ta suy nghĩ hoặc kích động sự vận hành của các tri thức giác cảm, liên quan đến mắt, tai, mũi, lưỡi và sự đụng chạm - thì mình cũng vẫn có thể nhận biết được một nét tinh tế nào đó của ánh sáng trong suốt bên trong từng thể dạng tri thức giác cảm đó của mình (xin nhắc thêm là theo Tâm lý học Phật, trí nhớ và khả năng nhận thức gồm có nhiều thể loại gọi chung là các tri thức giác cảm," trong đó gồm có tri thức thị giác," "thính giác," "khứu giác," "vị giác," "xúc giác" và "âm thân"), tất cả là nhờ vào sức mạnh của phúc hạnh và những lời giáo huấn thâm sâu truyền lại từ vị Thầy của trí tuệ (tức là Đức Phật. Xin mạn phép nhắc thêm là trong Kinh Anapanasati/Bài kinh về sự chú tâm vào hơi thở, MN 118, Đức Phật có dạy rằng hãy chú tâm vào bên trong của bên trong"thân xác, chú tâm vào bên trong của bên trong" các cảm giác, chú tâm vào bên trong của bên trong" tâm thức, chú tâm vào

bên trong của bên trong" các hiện tượng tâm thân, đây là cách giúp mình quán thấy bản chất trống không thật sâu xa của những thứ ấy. Theo các lời giảng trên đây của Đức Đạt-lai Lạt-ma thì phải chăng sự trống không thật sâu xa ấy cũng chính là ánh sáng trong suốt của tâm thức thần bí nhất, tàng ẩn thật sâu phía sau các sự cảm nhận phát sinh từ các cơ quan cảm giác, gồm ngũ giác và cả tâm thức?).

Hãy bước vào Con Đường ngay từ lúc này

Vậy phải làm thế nào để hội nhập tâm thức thần bí nhất vào con đường tu tập tâm linh của mình ngay từ lúc này? Đó là phải đưa ánh sáng trong suốt hòa nhập vào tất cả mọi thể dạng tri thức, bằng cách nhận biết được nó, thiền định về nó, tập trung vào nó như là một điểm duy nhất, đồng thời vẫn giữ sự chú tâm hướng vào ánh sáng trong suốt trong bầu không gian phi-tư-duy và phi-tạo-tác mang tính cách khái niệm.

Tiếp theo sau đó, khi ánh sáng trong suốt dần dần trở nên sâu sắc hơn thì các tư duy thô thiển cũng sẽ dần dần lắng xuống. Chính vì thế mà phép luyện tập này được gọi là "con đường chủ yếu nhờ đó sự hiểu biết sẽ loại bỏ được tất cả mọi thể dạng" (*thể dạng ở đây có thể hiểu như là các thứ tư duy, khái niệm và các thứ tạo tác tâm thân*). Sau khi đã quen dần với tâm thức thần bí nhất đó qua các kinh nghiệm cảm nhận của chính mình, thì mình cũng sẽ loại bỏ được tất cả mọi sự xung đột [trong tâm thức mình] (*tư duy, xúc cảm, khái niệm, tác ý thường hiển hiện dưới các thể dạng đối nghịch, tàn phá và bán loạn trong tâm thức*).

Khó khăn lớn nhất trong việc nhận biết tâm thức thần bí nhất là phải phân biệt thật minh bạch giữa tâm thức (*tiếng Tây Tạng là sem, tức là tâm thức thông thường - gct*) và tâm thức thần bí nhất (*tiếng Tây Tạng là Rigpa - gct*). Sự phân biệt đó tương đối dễ nhận thấy khi nói rằng: "Tâm thức thần bí nhất sẽ không bao giờ có thể bị ô nhiễm bởi các sự sai lầm được, trong khi đó thì tâm thức [thông thường, thường tình] chịu ảnh hưởng của các sự sinh hoạt tâm thân mang tính cách khái niệm, do đó sẽ dễ bị các thú tư duy làm lẫn làm cho nó bị ô nhiễm". Nói ra như thế thì dễ, nhưng nếu phải cảm nhận được sự khác biệt giữa hai thứ tâm thức ấy trên dòng luân lưu continuum trong tâm thân mình thì quả vô cùng khó khăn. Theo Dodrubchen (*vi đại sư nói đến trên đây*), ngay cả trường hợp mà mình cho rằng mình đang thiền định về tâm thức tinh tế nhất, nhưng thật ra thì đây cũng có thể là mình đang duy trì sự tập trung hướng vào bản chất trong sáng mang khả năng nhận biết có tính cách bên ngoài, ở một cấp bậc đặc biệt nào đó của tâm thức mà thôi. Vì thế các bạn phải hết sức cảnh giác, bởi vì tuy có thể việc luyện tập thiền định trên đây có thể trợ giúp các bạn được phần nào, nhưng thật ra không được sâu sắc lắm.

Trong quyển sách này chúng ta sẽ tìm hiểu cách phải làm thế nào để tự đưa mình vào tâm điểm của tâm thức thần bí nhất, nhờ vào sự phân tích và tìm hiểu một văn bản Tây Tạng của học phái dịch thuật xưa trong Phật giáo Tây Tạng, mà tôi nghĩ rằng sẽ có thể khiến các bạn phải say mê trên cả hai phương diện tâm lý học và cả tâm linh.

Bures-Sur-Yvette, 07.02.18
Hoang Phong chuyên ngữ

Ngôi chùa không hòm công đức

Sưu tầm

Nay hữu duyên được nghe sư cụ Đàm Hiệu Chính 91 tuổi giảng pháp bằng chân ngôn của người Kinh Bắc.

Trong lúc cụ đang ban pháp thoại thì có mấy Phật tử mang tiền đến “mừng tuổi” cụ, người 50 ngàn, người 100 ngàn, người 500 ngàn... Tất cả đều bị cụ từ chối.

“Tôi nhận cái tâm của anh chị thôi chứ không nhận tiền của ai cả. Tôi nhận rồi, mang về đi”, cụ nói.

Cụ bảo, tiền là tiền "bạc", tiền "tệ" chứ có phải "tiền - hậu" đâu. Tiền thì ai cũng quý nhưng nếu nhận tiền của mọi người thì khởi lên tâm tham, làm sao tu được nữa.

Khách đến cúng Phật, cụ cẩn thận chuẩn bị tiền lẻ để “chiếu lộc” lại cho khách. Rồi cụ cẩn thận hỏi có đi xe không, nếu có thì cụ trả lại 20K tiền mà BQL thu từ bên ngoài cổng chùa.

Sư cụ "chiếu lộc" cho khách mỗi người 1 tờ tiền lẻ 1 - 2 ngàn. "Chiếu lộc" là cách cụ trả lễ người đến phát tâm cúng dường chư Phật tại nhà chùa.

Trên bàn cụ còn có bộ chữ thư pháp "Phúc - Khang - An" nhưng ai biết chữ hỏi xin thì cụ mới cho.

"Người ta biết hỏi thì mới cho chứ không thì thôi", cụ nói.

Cụ về chùa từ năm 1967. Từ đó đến nay (51 năm) trong chùa không đặt hòm công đức. Cụ bảo: Nhận tiền công đức rồi thì khởi tâm tham, đâm ra phức tạp, không tu được nữa.

91 tuổi, cụ giảng pháp hàng giờ liên tục rồi cười rất sáng khoái.

Càng bất ngờ hơn khi cụ không chỉ nhớ tường tận lịch sử, kinh điển mà còn cập nhật rất sát sao thời sự như U23 Việt Nam đá bóng, cảnh chen lấn, nhét tiền vào tay tượng Phật đang diễn ra một số nơi...

Cụ bảo: Đá thể mới là đá quý. Cầu Nhật Tân cờ đỏ còn hơn hoa đào Nhật Tân dịp Tết. Xe ô tô đi chậm hơn kiến. Danh thế mới là lưu danh. Chứ vòng đá quý đang đeo hay tượng Phật đá quý thì nói làm gì. Phật mà linh thiêng thì ai cho mang Phật ra kinh doanh buôn bán.

Cụ khuyên, Phật ở trong tâm mỗi người. Chứ tượng chỉ là gỗ, là đá thôi. Phật là người từ bỏ ngai vàng đi tìm con đường giải thoát cho chúng sinh. Đức Phật từ bỏ phú quý, vậy sao có thể đến cầu xin Phật ban cho vinh hoa phú quý?

Ngôi chùa nơi cụ trụ trì vốn là nơi thiền sư Vạn Hạnh tu. Ông là một trong những trí thức Phật giáo làm cố vấn vua Lê Đại Hành, đồng thời là người thầy của Lý Công Uẩn.

Chùa còn lưu giữ nhục thân của đức Bồ Tát Như Trí trong tư thế kiết già.

Thiền sư Như Trí đã tuyệt cốc và đạt đến cảnh giới nhục thân bất hoại. Điều mà ngay cả các xác ướp ở các nền văn minh cổ xưa ở Trung Quốc, Ai Cập... cũng hiếm thấy.

Chùa được kiến trúc theo phong cách của Thiền tông và in đậm không gian tĩnh mịch của Phật giáo nguyên thủy.

Cổng chùa có ghi 3 chữ Hán là “bất nhị môn” (không có cổng thứ 2, ý là chỉ có duy nhất 1 cổng) và quanh năm không đóng.

(PS: Theo anh Kiều Hải comment bên dưới thì: Bất Nhị Môn không phải là "chỉ có duy nhất một cửa" mà là cửa BẤT NHỊ. "Bất nhị" là chữ trong Kinh Hoa Nghiêm, chỉ vô lượng, khác với quan niệm Nhị nguyên của thế gian.)

Chỉ cần bước qua cổng thiền môn này, bất kỳ ai cũng có thể cảm nhận được sự tĩnh tại.

Trong thời mạt Pháp hiện nay, tìm được chốn thiền môn như chùa Tiêu (Thiên Tâm Tự)

Pháp Cú

HT. Thích Minh Châu dịch

239

*Bậc trí theo tuân tự.
Từng sát na trừ dần
Như thợ vàng lọc bụi
Trừ cấu uế nơi mình.*

Hư Hư LỤC

Thích Nữ Như Thủy

Thân Giáo

Thuở xưa có một nhà sư sống ẩn dật tại một triền núi, được mọi người xem là đạo cao đức trọng.

Một hôm nhà sư tiếp một bà lão cùng cậu con trai của bà.

Bà lão thưa:

- Bạch sư thầy, bé này mắc phải cái tật là ưa sưu tầm hoa kiếng. Nó đã làm cho tôi tốn hao không biết bao nhiêu là tiền của trong cái thời củi quế gạo châu này... Xin sư làm ơn chữa trị hoặc răn dạy giùm kéo tội nghiệp cho tôi cùng vợ con nó.

Nhà sư ngẫm nghĩ giây lâu nói:

- Bà hãy dắt nó về khoảng nửa tháng sau trở lại tôi sẽ giúp cho.

Bà lão y lời. Đến ngày hạn nhà sư chỉ thốt một câu đơn giản:

- Đó là một thú vui hao tài tốn của con hãy bỏ đi, để tiền mà thờ mẹ nuôi con.

Bà lão bất bình:

- Tường thầy có phương cách gì té ra chỉ có bao nhiêu lời đó. Thế sao thầy không làm ơn nói giùm ngay bữa trước mà còn hẹn đến hôm nay? Đường xá xa xôi biết là bao!

Nhà sư mỉm cười:

- Chẳng giấu gì bà... tôi cũng mắc phải cái tật như cậu nhà đây. Nửa tháng gia hạn là thời gian để tôi bỏ cái cố tật đó. Nay mọi việc đã xong tôi mới dám mở miệng khuyên can cậu em này.

NÓI GÌ VỚI GIỚI TRẺ VỀ PHẬT GIÁO ?

Nguyễn Giác

Bài nói chuyện soạn cho ngày hội luận 13/11/2016 do Hội Phật Học Đuốc Tuệ tổ chức tại Sangha Center, Huntington Beach, Calif. Thực tế sẽ nói ngắn hơn, vì không đủ thời lượng.)

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức

Kính thưa đại chúng,

Tôi rất hân hạnh có mặt nơi đây, và xin gửi lời trân trọng cảm ơn Hội Đuốc Tuệ đã mời góp ý cho vấn đề quan trọng này. Tự thân mình không có đủ trí tuệ và phước đức, nên những lời này chỉ xem như một viên gạch nhỏ trong tòa nhà đang xây của Phật giáo hải ngoại.

Tôi tin rằng tất cả quý vị nơi đây đều là những người có vô lượng công đức, và thực sự quý vị có nhiều công đức hơn những người đã từng xây tự viện, hơn những người đã từng cúng dường trực tiếp tới Đức Thế Tôn, tới 100 vị Bích Chi Phật, tới 100 vị A La Hán, vân vân... Bởi vì tất cả quý vị nơi đây, tất cả đều từng quy y và thọ giới, và do vậy quý vị có công đức nhiều hơn vô số công đức dâng cúng vừa nói. Tôi sẽ dẫn một kinh ra, ghi lời Đức Phật dạy như thế. Và nên mời gọi giới trẻ đọc kỹ về kinh này.

oOo

Chúng ta nên nói gì với giới trẻ về Phật giáo? Tôi xin tìm cách trả lời trong cương vị người cư sĩ hải ngoại. Đây là vị trí riêng, từ suy nghĩ cá nhân, không đại diện cho bất kỳ giáo hội nào.

Thực tế, sách vở, tài liệu, bài viết về Phật giáo có rất nhiều trên mạng – cả tiếng Anh và tiếng Việt -- nhưng không chắc gì giới trẻ đã tiếp cận được. Cũng như chúng ta cư ngụ ở Quận Cam, nhưng không bao nhiêu con phố chúng ta đã từng bước tới, hay được nghe tên. Và trong khi các em sử dụng Internet thành thạo hơn rất nhiều người chúng ta, những gì các em đọc hàng ngày không phải là những bài viết về Phật giáo mà chúng ta muốn các em đọc.

Tại hải ngoại, và cả trong nước VN cũng thế, rất nhiều thiếu niên chỉ bước vào chùa khi gia đình có tang sự. Trong các buổi lễ này, thường các em chẳng hiểu bao nhiêu, cũng không thấy quý thầy trao giấy tờ hay sách vở giải thích. Và quý vị biết rằng nơi đây, các em nghe tiếng Việt tiếng được, tiếng mất. Thực tế, nghi lễ đó, với người lớn cũng thấy nhiều chữ khó hiểu, có muốn diễn tả lại cho con mình cũng không đủ tiếng Anh để nói. Và như thế, qua 49 ngày, là 7 lần các em theo thân nhân tới chùa, ngồi qua lễ rồi về.

Trong khi đó, các em tiếp cận với các tôn giáo khác, gần như hàng ngày, hàng giờ. Mở máy truyền hình, có nhiều băng tần 24 giờ

của các nhà thờ, các hội thánh khác nhau. Các làn sóng đó nói bằng tiếng Anh, và con em chúng ta nghe dễ dàng hơn nghe tiếng Việt. Hoàn cảnh tổng quát là như thế.

Bây giờ, nói chuyện hoằng pháp. Chúng ta dạy gì cho các em. Giả sử, một thiếu niên 12 tuổi, hay 15 tuổi... Trong cơ duyên gặp gỡ nào đó, như ở chùa, hay ở một lễ hội, chúng ta nên nói gì với các em?

Nếu biết rằng, cơ duyên gặp này chỉ kéo dài 5 phút, và rồi thiếu niên kia sẽ bay đi tiểu bang xa, vĩnh viễn không có cơ duyên về lại ngôi chùa Việt Nam nào khác nữa, chúng ta nên nói gì với các em?

Và nếu may mắn hơn, nếu cơ duyên gặp gỡ, nói chuyện kéo dài một giờ đồng hồ, chúng ta sẽ nói gì với các em?

Một số vị thường khuyên là nên tập chánh niệm (mindfulness)... Đây là pháp phổ biến, và có lợi trăm đường. Tuy nhiên, nếu thuần túy tập pháp này, mà không quy y, không thọ giới cũng sẽ cơ nguy chệch hướng. Bởi vì pháp này được các thiện xạ thế giới tập để trở thành sát thủ giỏi hơn, được các chuyên gia ngân hàng tập để sẽ giỏi bày mưu tính kế hơn, và được các bác sĩ dạy cho bệnh nhân để thấy thân xác khoái lạc. Do vậy, tôi tin rằng, dạy về Giới, hay SILA nên là ưu tiên.

Thứ nhất, tôi xin đề nghị rằng nên dạy cho trẻ em hãy tin sâu nhân quả. Đã tin nhân quả, tất nhiên giữ giới sẽ rất mực nghiêm túc.

Thứ nhì, nếu có thì giờ giải thích thêm, nên giải thích về lý vô thường. Đây là cốt tủy.

Vô thường, trong kinh về giáo pháp ngắn gọn “Samyuktāgama 79. Discourse on a Brief Teaching” và ba kinh kế tiếp đã cho thấy chữ vô thường đương đương các chữ “bất như ý” (hiểu là khổ), chữ “rỗng rang không gì có thực” (hiểu là không) và chữ “không có cái tôi, cái của tôi nào” (hiểu là vô ngã).

Về phương tiện giảng dạy, trước tiên nên là lời ba mẹ dạy con trực tiếp, thứ nhì nên dạy qua truyện cổ, truyện ngắn.

Tôi sẽ kể một kinh nghiệm riêng. Khoảng năm lớp tư và lớp năm, tôi và một tên bạn cùng lớp ưa đi xe đạp lên Chùa Xá Lợi đọc sách. Chùa lúc đó có thư viện nhỏ nơi tháp. Những câu chuyện tôi đọc, không thể nhớ chính xác là chuyện gì. Chỉ mê đọc là đọc thôi. Nhỏ mà muốn đọc đủ thứ, dù chẳng hiểu bao nhiêu. Lúc nào cũng cho một nhà sư trung niên, hay một vị cư sĩ tóc trắng ngồi chung trong thư viện. Đó là phiên trực của vị đó. Những hôm thư viện Chùa Xá Lợi đóng cửa, tôi và tên bạn lại phóng xe đạp tới Thư Viện Lincoln để đọc. Sách ở thư viện Mỹ đẹp, nhiều hình màu, giấy khổ lớn. Khởi cần hỏi mượn, trên bàn lúc nào cũng bày sẵn ít nhất 4 cuốn Kinh Thánh Ky Tô loại đã soạn thành truyện cho trẻ em đọc. Đó là những ngày rất thơ mộng của đời tôi.

Và sau này, tôi may mắn có cơ duyên gần như ngày đêm đọc, viết, nghiên cứu, tu học Phật pháp.

Tôi nghiệm ra như thế này: trẻ em bao giờ cũng thích đọc truyện. Như thời xa xưa, chúng ta có truyện Con Rồng, Cháu Tiên, rồi truyện cổ về 18 đời vua Hùng Vương để

giải thích về cội nguồn dân tộc. Hễ vô trường học là được thầy, cô dạy. Bản thân tôi thời trung học đã mê các truyện như “*Con thần lần chọn nghiệp*” của cụ Hồ Hữu Tường, “*Cửa từng đôi cánh khép*” của Thầy Nhất Hạnh.

Kinh điển Phật giáo cũng có những truyện cực kỳ tuyệt vời như truyện về cuộc đời Đức Phật, hay Tích Truyện Pháp Cú, hay là truyện cuộc đời các thánh tăng... Do vậy, tôi đề nghị tất cả các chùa nên lập thư viện và nên tập thói quen cho các em Gia Đình Phật Tử đọc sách, em nào không giỏi tiếng Việt thì đọc tiếng Anh. Trong khi nhiều tử sách hải ngoại, cứ thấy khóa chặt, thiệt sự là vô ích. Nếu không đọc sách, có thể lên mạng Internet hạ tải xuống, in ra giấy để đọc. Nếu các vị huynh trưởng Gia Đình Phật Tử hướng dẫn cách đọc, cách học, cách nghiên cứu ý nghĩa... sẽ giúp cho rất nhiều thiếu niên có hành trang lên đường tốt.

Trong khi giải thích về truyện nhà Phật, nên ưu tiên nhân mạnh về tin sâu nhân quả. Và do vậy, cần quy y, thọ giới.

Đó là điểm thứ nhất. Thứ nhì là lý vô thường.

Trang bị 2 niềm tin chắc thật này cho các em, chúng ta không sợ sau này các em chạy theo các tôn giáo khác. Khi đã tin sâu nhân quả, các em sẽ không tin chuyện “hồng ân cứu rỗi” từ một đấng nào đó, vì như thế, là phi nhân quả.

Khi đã tin rằng tất cả các pháp đều biến đổi từng khoảnh khắc, các em sẽ biết cách chất vấn về khái niệm gọi là “Thượng Đế”...

Lý vô thường là tuyệt vời của Phật Giáo. Nhưng đa số chúng ta không thâm cảm như chư tăng ngày xưa. Chúng ta tụng đọc, nhưng không nghiên cứu ý nghĩa, và khi nghiên cứu ý nghĩa, chúng ta không hít thở cho trọn cái lẽ vô thường đó.

Tích Truyện Pháp Cú, bản dịch của Thiên Viện Viên Chiếu, về Kệ 170, có kể rằng có 500 tỷ kheo nhận đề mục thiền định từ đức Bổn Sư, trở về rừng và nỗ lực thiền định. Nhưng mặc dù gắng sức chiến đấu hết mình, họ không thể nào phát triển tuệ giác.

Các thầy nghĩ thêm: "Chúng ta sẽ đổi đề mục khác thích hợp với chúng ta hơn". Các thầy lại chỗ Phật, trên đường đi các thầy thấy một ảo ảnh, tập trung mọi ý niệm về ảo ảnh ấy, các thầy khai mở tuệ giác. Khi bước vào sân tu viện, trời đổ mưa, các thầy đứng đấy nhìn những bọt nước nổi bập bênh và tan nhanh chóng. Một tư tưởng trỗi dậy: "Tự ngã của chúng ta như bọt nước nổi tan". Lập tức các thầy tập trung tư tưởng vào ý nghĩ này. Đức Bổn Sư đang ngồi trong hương thất, bèn hóa thân đến trước các thầy, nói kệ:

(170) *Hãy nhìn như bọt nước,
Hãy nhìn như cảnh huyễn!
Quán nhìn đời như vậy,
Thần chết không bắt gặp.*

Nghe xong, các thầy chứng quả A-la-hán ngay tại chỗ.

Hiển nhiên, Đức Phật đọc kệ như thế vì đang nhìn thấy trời đổ mưa, bọt nước nổi và tan.

Tại sao 500 tỷ kheo chứng quả tức khắc như thế? Chỉ vì không còn vướng mắc gì với bất

kỳ một pháp nào nữa, dù là sắc thanh hương vị xúc pháp.

Tại sao hàng ngày chúng ta cũng đọc tụng về vô thường, mà không thấy ảnh hưởng gì hết? Bởi vì, chúng ta chưa thực sự Văn, Tư, Tu.

ĐỀ NGHỊ VĂN TƯ TU

Phương pháp nghiền ngẫm kinh điển bằng suy nghĩ, bằng lý luận được chư Tăng Tây Tạng gọi là Thiền phân tích. Nếu chúng ta xem phim về Phật giáo Tây Tạng, sẽ thấy có những cuộc tranh luận giữa các học tăng chia phe. Khi đọc sách của Đức Đạt Lai Lạt Ma, dòng lý luận rất minh bạch, giúp chúng ta gạt bỏ mọi nghi ngờ.

Như với lời dạy của Đức Thế Tôn vừa nêu, “Hãy nhìn như bọt nước, Hãy nhìn như cảnh huyền...” Chúng ta có thể tự đọc và suy nghĩ, hay hướng dẫn người chung quanh cùng suy nghĩ, thí dụ:

“Thế nào là nhìn như bọt nước? Bọt nước hiện ra, rồi tan. Thân mình cũng hệt như đám bụi sa mạc bùng lên, rồi sẽ lụn lnh tan đi theo gió nghiệp. Có muốn giữ muôn năm cũng không được. Thân này của mình cũng thế, tâm này của mình cũng thế, tất cả biến đổi từng khoảnh khắc, sức khỏe rồi cũng suy tàn, nhan sắc cũng thay đổi, ngày hôm nay còn ngồi nghe tiếng chim kêu, từng âm vang hiện lên rồi biến mất, còn ngồi nhìn hoa trong vườn, nhưng từng khoảnh khắc hoa cũng biến đổi, và bởi vì vô thường, nên là vô ngã, nghĩa là không có pháp nào có cái gì gọi là cái tôi, cái ta, cái người... và vì là vô thường, là vô ngã, nên là rỗng rang vô tự

tánh...”

Cứ suy nghĩ và lý luận như thế chính là Thiền phân tích. Phương pháp này ứng dụng được với bất kỳ kinh nào. Đừng sợ suy nghĩ là loạn tâm. Đây là cách đối trị để tâm mình không dính vào bất kỳ pháp nào. Thiền Tây Tạng cũng gọi cách lý luận như thế là Thiền của bậc pandita (Thiền của học giả). Khi nào thấy tâm mình không còn bị vướng lý luận gì nữa, nên tập pháp Thiền của kusulu (Thiền của kẻ nhà quê, thiền của người rất mực ngây thơ, để tâm an nghỉ bình thường, tỉnh giác, lặng lẽ, trong trẻo, rỗng rang).

Trong khi tập Văn Tư Tu, nên tự nghĩ thầm, hoặc tự mình nói, và nếu đồng người nên nói chậm cho đại chúng nghe.

Tới vấn đề mới, câu hỏi là, làm sao để thấy các pháp vốn thực là vô sinh? Bởi vì các pháp sinh diệt liên tục, làm sao thấy pháp không hề sinh diệt? Vì vô sinh là Niết bàn. Vì vô sinh diệt là Niết bàn. Câu hỏi nơi đây là, làm sao thấy các pháp đương thể tức không, rằng không có thực sinh thực diệt? Chỉ có pháp Như là tối thắng. Như thế, cũng có nghĩa rằng phiền não và Niết bàn không khác. Nhiều Kinh Phật đã dạy như thế.

Chúng ta có thể Văn Tư Tu nơi đây. Làm cách nào lý luận để tâm mình bật hết mọi đường lý luận? Cách đơn giản, là nghiền ngẫm các bài kệ Trung Quán Luận của Ngài Long Thọ. Nghiền ngẫm được bài kệ này, tâm sẽ không còn khởi chấp gì nữa. Và khi tâm không khởi chấp, tự nhiên pháp Như hiện ra, rằng các pháp như thị là như thị, không còn tâm nào hiện ra kéo chúng ta đi vào đâu nữa.

Thí dụ, bài kệ đầu về Nhân duyên như sau:

*Chư pháp bất tự sinh,
diệc bất tùng tha sinh.
Bất cộng bất vô nhân,
Thị cố tri vô sinh.*

(Triết Học Long Thọ, GS Vũ Thế Ngọc, trang 65)

Có nhiều bản tiếng Anh, nơi đây dẫn ra bản dịch này cho tiện:

*Not from self, not from other,
Not from both, nor without cause
Things do not arise
At any place, at any time.*

(The Sun of Wisdom, Khenpo Tsultrim Gyamtso, trang 5)

Chúng ta lý luận thế này. Rằng bài kệ này phá tất cả các dị thuyết. Khi chúng ta suy ngẫm bài kệ tới tận cùng lý luận, sẽ thấy tâm tự động ở vị trí trung đạo, sẽ không chấp rằng có hay không có, sẽ không chấp vào một hay nhiều. Tại sao như thế. Hãy hình dung như một cô ca sĩ đứng trên sân khấu. Cô luyện giọng hát cả đời. Chung quanh cô có các nhạc sĩ đàn guitar, đàn piano, trống... Tất cả chỉ có thể hiểu được bằng pháp duyên khởi. Và cô ca sĩ hát, thí dụ: “Mưa đã mưa bay trên tầng tháp cổ...” Nếu có một pháp nào chệch đi, sẽ không có ca khúc này được hát lên.

Làm sao để thấy pháp vô sinh nơi đây? Làm sao thấy đương thể tức không? Ngài Long Thọ lý luận qua bài kệ trên rằng, thí dụ:

-- âm thanh chữ “tháp” trong dòng nhạc nêu trên không tự nó sinh khởi (hiển nhiên);

-- âm thanh chữ “tháp” không sinh từ pháp khác, vì nó không thể sinh từ cái khác chính nó (làm sao chữ nào khác, hay pháp nào khác có thể sinh ra âm vang chữ “tháp”?);

-- âm thanh chữ “tháp” không từ cả 2 cách trên mà ra, và cũng không phải là không có nhân duyên;

-- Do vậy, trong cách nhìn này, biết rằng các pháp không hề sinh ra (tức là vô sinh, tức là Niết bàn).

Nguyên một toàn cảnh cô ca sĩ hát trên sân khấu đó, với âm vang bên tai chúng ta và hình ảnh hiện trước mắt ta, thực sự là vô tướng, nghĩa là toàn cảnh là duyên khởi. Thấy ngay cô ca sĩ cũng hệt như một đám bụi sa mạc lung linh trước mắt chúng ta, và sân khấu là những đám bụi lung linh vô thường như thế, không từ đâu tới, và không đi tới đâu, tức là bất khứ, bất lai. Và nhận ra lý duyên khởi là thấy tức khắc các pháp đều là không, đều là vô tướng, đều là vô tác, đều là vô ngã.

Với Văn Tư Tu như thế, người học giả tự nhiên nghiệm ra lý duyên khởi, sẽ thấy tâm lặng lẽ dần. Lúc đó mới tu pháp của Kusulu, tiếng Tây Tạng gọi là “tu như kẻ khờ, kẻ hồn nhiên ngây thơ.”

Nhưng tới đây là chuyện khác. Tất cả các bạn có thể tới các chùa quanh đây, xin học Thiền từ nhiều ngôi chùa, nhiều truyền thống, rồi dần dà tự chọn pháp thích nghi, tự biết cách an tâm. Nơi đây, tôi chỉ cung ứng

phương pháp mà tôi biết nhiều chùa không sử dụng.

LÀM THƠ

Có một cách để an tâm khác. Đó là sáng tạo. Tức là sống với cái chưa từng biết. Còn gọi là sống với tâm khi hạt bụi chưa dấy lên. Cái chưa từng được biết, tiếng Anh gọi là “the unknown.”

Ngài Đạo Nguyên, sáng tổ Tào Động Nhật Bản, dạy pháp “tư lường cái bất khả tư lường”... Nhưng cách này lại khác với cách chúng ta vừa lý luận theo Ngài Long Thọ. Cách này về sau được Ngài Thánh Nghiêm ở Đài Loan gọi là “Pháp tu không-pháp tu” (The Method of No-Method). Nghĩa là, “chỉ ngồi thôi, buông bỏ hết thân tâm, buông bỏ hết sắc thanh hương vị xúc pháp và vân vân...”

Sống cái chưa biết? Đức Phật dạy như thế nào? Đức Phật dạy trong Kinh Pháp Cú, kệ 348, rằng hãy quăng bỏ hết quá khứ, hiện tại, vị lai... là sẽ tới bờ bên kia. Lập tức, chàng nghệ sĩ gánh xiếc nghe xong là đắc quả A La Hán. Đó là sống với cái chưa biết. Bài kệ này viết:

(348) *Bỏ quá, hiện, vị lai,
Đến bờ kia cuộc đời,
Ý giải thoát tất cả,
Chớ vướng lại sanh già.*

Chúng ta thường nghe nói là hãy sống cái “bây giờ và ở đây.” Nhưng trong bài kệ này, Đức Phật dạy quăng bỏ hết tất cả, quăng bỏ cả “bây giờ và ở đây,” và như thế, sẽ không dính vào bất kỳ cái gì hết. Có nghĩa là gì?

Có nghĩa là, Đức Phật yêu cầu chúng ta sống với cái tâm chưa biết, nhìn vào thế giới những điều chưa biết. Nghĩa là sáng tạo, là từng khoảnh khắc đều mới tinh khôi.

Vậy thì, tại sao làm thơ sẽ giúp chúng ta tiếp cận Cái Chưa Biết?

Tôi nghĩ là các bạn trẻ nên có tờ giấy, cây bút chì trong túi... để những lúc ngồi ở bến xe, tiệm nước, có thể nghĩ tới những câu thơ. Miễn đừng copy người khác. Đây là cách an tâm tuyệt vời. Ai cũng có thể làm được. Bạn sẽ thấy có những lúc bạn loạn tâm, không biết làm sao lắng tâm được, dù là ngồi hít thở, dù là tụng đọc Bát Nhã Tâm Kinh, dù là tụng đọc Đại Bi... Lúc đó, tôi đề nghị, hãy làm thơ. Khi bạn làm thơ thực sự, tất cả loạn tâm sẽ biến mất, chỉ còn một cái nhìn vào cõi chưa biết của tâm, sẽ rất gần với pháp tham thoại đầu, hay tham công án của Thiền. Cảnh giới này sẽ là một cái gì rất là mới. Nếu bạn sống với cõi chưa biết của tâm, tất cả loạn tâm sẽ biến mất dần dần. Ai cũng có thể thử.

Hãy nghĩ rằng bạn đang viết những câu thơ chưa ai từng viết. Thí dụ, thơ nhớ mẹ, thơ biết ơn cha, thơ về mùa xuân năm ngoái bên Hồ Tây (xin ghi chú: khi chúng ta làm thơ và nghĩ về mùa xuân năm ngoái, sẽ không có nghĩa là chúng ta rơi vào pháp quá khứ, vì lập tức pháp này hiện ra trong khi chúng ta làm thơ như “cái chưa từng được biết” và bạn chớ khởi tâm tham luyện hay sân hận gì), và vân vân. Tuy nhiên, nếu mê làm thơ, lại là bệnh, xin nhớ như thế; lúc đó nên tạm bỏ làm thơ.

Kinh nghiệm này dễ thấy: tất cả chữ hiện lên

trong tâm chúng ta khi làm thơ sẽ làm lắng đọng loạn tâm. Vì chúng ta đang sống với những dòng thơ rất mới. Và đó là sống với cái chưa từng được biết. Đó là một phương pháp tôi nghĩ là hữu dụng.

KINH TRÍ TUỆ LÀ TỐI THẮNG

Sau đây là một bài Kinh tôi nghĩ rằng giới trẻ nên Văn Tư Tu. Bài Kinh này các bạn muốn Tư làm sao, xin tự suy nghĩ, tự chiêm nghiệm, trên từng câu một. Nơi đây sẽ là bản dịch trung thành từ Anh sang Việt.

Kinh này trong cuốn “In the Buddha's Words” – bản Anh dịch của Ngài Bhikkhu Bodhi, trang 178-179, nhan đề là “Insight Surpasses All” – Trí Tuệ Là Tối Thắng. Cuối bài, sẽ có link vào bản PDF. Kinh này dễ hiểu, nhưng cực kỳ quan trọng:

[Đức Phật nói với ngài Anathapindika:]
 “Này cư sĩ, trong thời quá khứ có một vị bà la môn tên là Velama. Người này đã cúng dường nhiều như thế này: 84 ngàn tô vàng chất đầy bạc; 84 ngàn tô bạc chất đầy vàng; 84 ngàn tô đồng chất đầy thỏi vàng; 84 ngàn con voi, xe ngựa, bò đang cho sữa, tờ gải, và ghé nệm ngồi, nhiều triệu tấm vải mịn, và vô số thức ăn, nước uống, dầu và tấm vải giường.

Cúng dường nhiều như Velama như thế, cũng không có công đức bằng người cúng dường một người có chánh kiến.

Cúng dường nhiều như Velama như thế và bất kể có cúng dường 100 người có chánh kiến, cũng không có công đức bằng cúng dường một vị Nhất lai (Tư Đà Hàm).

Cúng dường nhiều như Velama như thế, và bất kể có cúng dường 100 vị Nhất lai, cũng không có công đức bằng cúng dường một vị Bất lai (A Na Hàm).

Cúng dường nhiều như Velama như thế và bất kể có cúng dường 100 vị Bất lai, cũng không công đức bằng cúng dường một vị A La Hán.

Cúng dường nhiều như Velama như thế và bất kể có cúng dường 100 vị A La Hán, cũng không công đức bằng cúng dường một vị Bích Chi Phật.

Cúng dường nhiều như Velama như thế và bất kể có cúng dường 100 vị Bích Chi Phật, cũng không công đức bằng cúng dường một Đức Thế Tôn Chánh Đẳng Chánh Giác...

Sẽ còn có công đức nhiều hơn nữa nếu vị này cúng dường Tăng Già lãnh đạo bởi Đức Phật và xây một tu viện cho tứ chúng...

Sẽ còn công đức nhiều hơn nữa, nếu với một tâm thành tín, người này quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, và thọ 5 giới: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không sử dụng rượu/thuốc gây nghiện.

Công đức nhiều như thế, nhưng sẽ còn công đức nhiều hơn nữa nếu người này tu tâm từ bi dù là trong thời gian ngắn như vắt sữa bò. Công đức nhiều vô số như thế, nhưng công đức sẽ còn nhiều hơn nữa, nếu người này nhận ra lý vô thường chỉ trong một khoảnh khắc ngón tay.”

(AN 9:20, abridged; IV 393-96)

Như thế, để đúc kết, tôi trình bày ước mơ rằng, mỗi chùa đều nên có một thư viện, mở cửa và hướng dẫn các em đọc truyện cổ Phật giáo.

Thứ nhì, nên dạy đầu tiên là: **tin sâu nhân quả**.

Thứ ba, nên dạy các em **lý vô thường**. Vì vô thường, nên bất như ý, nên rỗng rang không tự tánh, nên thực sự các pháp vô ngã, như những cành lau nướng gá nhau nên gọi là lý duyên khởi. Đức Phật nói chỉ cần rút đi một cọng tranh, là cả chùm chấp ngã sụp đổ. Vô thường là cọng tranh mà các em có thể kinh nghiệm được.

Thứ tư, nên dạy pháp **Văn Tư Tu**. Đừng sợ suy nghĩ nhiều sẽ loạn tâm. Hãy dùng suy nghĩ để làm ngưng đọng các khởi chấp của tâm. Không cần tụng kinh, chỉ cần nghiền ngẫm ý nghĩa. Nếu dùng các bài kệ Trung Quán của Ngài Long Thọ là tâm sẽ không chấp vào bất kỳ bên nào nữa.

Thứ năm, nên **làm thơ**, từ từ sẽ lắng tâm xuống. Vì làm thơ cũng là sống với cái chưa biết, cái chưa được tư lường.

Thứ sáu, và cũng là quan trọng, hãy dẫn tất cả ba mẹ, anh em, làng xóm rủ nhau **quy y thọ giới**.

Hy vọng rằng những giải thích này rất minh bạch.

Nguyễn Giác

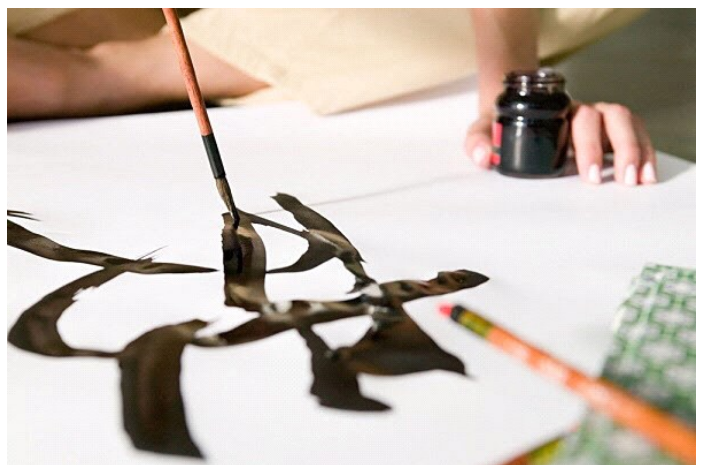
GHI CHÚ: Sau đây là bản tiếng Anh bài kinh vừa dịch.

Insight Surpasses All

[The Buddha said to Anathapindika:] In the past, householder, there was a brahmin named Velama. He gave such a great alms offering as this: eighty-four thousand bowls of gold filled with silver; eighty-four thousand bowls of silver filled with gold; eighty-four thousand bronze bowls filled with bullion; eighty-four thousand elephants, chariots, milch cows, maidens, and couches, many millions of fine cloths, and indescribable amounts of food, drink, ointment, and bedding.

As great as was the alms offering that the brahmin Velama gave, it would be even more fruitful if one would feed a single person possessed of right view.

As great as the brahmin Velama's alms offering was, and though one would feed a hundred persons possessed of right view, it would be even more fruitful if one would feed a single oncereturner.



Con đường độc nhất đi đến Niết Bàn

Như Không

Tiêu đề trên rút ra từ đoạn kinh TỨ NIỆM XÚ (Trung Bộ Kinh số 10) do ngài Thích Minh Châu dịch: “-- **Này các Tỷ-kheo, đây là con đường ĐỘC NHẤT** nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ **NIẾT BÀN**. Đó là Bốn Niệm xứ.”

Bài viết này nhằm giải thích 2 ý nghĩa quan trọng của pháp tu TỨ NIỆM XÚ: 1) Là con đường đi đến NIẾT BÀN. 2) Là con đường ĐỘC NHẤT để đi đến đó, không thể đi bằng một con đường nào khác được.

TỨ NIỆM XÚ LÀ CON ĐƯỜNG ĐI ĐẾN NIẾT BÀN

NIẾT BÀN là gì? -- Nói cho dễ hiểu và cụ thể thì NIẾT BÀN là điểm đến, là mục tiêu của sự tu hành, chính là sự CHẤM DỨT KHỔ ĐAU như Đức Phật đã nói với ngài Anurada:

“Lành thay, lành thay! Này Anuràdha. Trước đây và hiện nay, này Anuràdha, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ.”

(Kinh Tương Ưng 6 Xứ: <http://budsas.net/uni/u-kinh-tuongungbo/tu4-44.htm>)

TỨ NIỆM XÚ CHẤM DỨT KHỔ ĐAU NHƯ THẾ NÀO?

Từ xưa tới nay ta khổ vì đã đồng hóa THÂN

là TA, TÂM cũng là TA. Cho nên khi THÂN ĐAU thì liền nói TA ĐAU, khi TÂM KHỔ thì liền nói TA KHỔ, ta bị lôi cuốn tức khắc theo sự CẢM THỌ thăng trầm của chúng. Sự đồng hóa đó gọi là VÔ MINH CHẤP NGÃ.

Đến khi tu pháp TỨ NIỆM XÚ, thường trực dùng TRÍ TUỆ để quan sát THÂN và TÂM cùng với những CẢM THỌ của chúng (tất cả những gì thuộc về TA) một cách KHÁCH QUAN để xem chúng biến đổi như thế nào, thì dần dần có một khoảng cách phát triển giữa TA và chúng. Từ đó chúng không còn khả năng lôi cuốn TA tức khắc và nhanh chóng nữa.

Nhờ thế TRÍ TUỆ bớt bị những CẢM THỌ làm lung lay, nên càng vững chãi quan sát sâu hơn. Sự QUAN SÁT SÂU HƠN này gọi là MINH SÁT TUỆ hay HÀNH THÂM BÁT NHÃ. Và khi QUAN SÁT SÂU thì mới khám phá ra rằng THÂN, TÂM, CẢM THỌ, hay nói chung là 5 thành phần cấu tạo TA (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức) đều là những pháp DO DUYÊN SINH không liên hệ gì tới TA.

Khi khám phá ra sự thật THÂN và TÂM (nói gọn) hay tất cả 5 UẨN (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức) đều sinh/diệt theo DUYÊN với các pháp khác, không liên hệ gì tới TA, không là TA, không là CỬA TA, thì đó gọi là giác ngộ **SỰ THẬT VÔ NGÃ**, thấy TA không hiện hữu trong bất cứ PHÁP

HỮU VI có sinh diệt nào cả. Đó kể như đã đến bờ mé của sự **TỊCH TỊNH NIẾT BÀN**.

Khi đã nhận ra **NGÃ** chỉ là một **ẢO TƯỚNG** và **VÔ NGÃ** mới là một **SỰ THẬT** thì cái tư tưởng có một người chịu nhận đau khổ, cũng chỉ là **ẢO TƯỚNG** sai lầm. Cho nên ai giác ngộ được **VÔ NGÃ** thì cũng giác ngộ được **KHÔNG NHÂN, KHÔNG CHỨNG SANH, KHÔNG THỌ GIẢ**, tức không có một nhân vật nhận chịu khổ đau. Bên trong cái thân xác của ta, chắc chắn chỉ có thịt xương máu mủ, chứ không núp chứa một nhân vật nào cả. Đó chính là cách **CHẤM DỨT ĐAU KHỔ** của Đạo Phật bằng sức mạnh **TRÍ TUỆ** sống đúng với **SỰ THẬT VÔ NGÃ**, chứng nghiệm qua sự thực hành **THIỀN QUÁN TỨ NIỆM XÚ**.

Cũng nên lưu ý rằng **VÔ NGÃ** đang nói ở đây là một **SỰ THẬT** để khám phá, để **GIÁC NGỘ**, chứ không phải là một **ĐỨC TÍNH** để tập tành như tập sống với tánh **Vị Tha, Hy Sinh, Nhường Nhịn**, v.v. Người tập sống với những **Đức Tánh** đó vẫn chỉ để xây dựng một cái **NGÃ** đẹp hơn thôi, chứ chưa ra khỏi **CHẤP NGÃ**, chưa đạt được **VÔ NGÃ**. **VÔ NGÃ** của sự giải thoát coi **PHÀM** hay **THÁNH** đều chẳng phải là **TA**, đều chẳng phải là **CỦA TA**.

Chính pháp **THIỀN QUÁN TỨ NIỆM XÚ** này nói lên đầy đủ tinh thần **KHOA HỌC THỰC NGHIỆM** của Đạo Phật, và chứa đựng đầy đủ **5 ẮN ĐỨC PHÁP**: **1) Thiết Thực Hiện Tại, 2) Không có Thời gian, 3) Đến để mà thấy, 4) Có khả năng hướng thượng, 5) Người TRÍ có thể chứng nghiệm được.**

THIỆT THỰC HIỆN TẠI: Bởi vì khi thường xuyên quan sát mình, khổ đau sẽ giảm bớt ngay tức khắc, bởi tâm bị cắt đứt khỏi các đối tượng làm mình Tham, Sân, Si.

KHÔNG CÓ THỜI GIAN: Bởi có hiệu quả ngay tức khắc, không chờ đợi thời gian, và luôn luôn đúng trong cả 3 thời: Quá khứ, Hiện tại, và Tương lai.

ĐẾN ĐỂ MÀ THẤY: Bởi vì là một pháp tu **THỰC NGHIỆM** được, chứ không cần **TIN**.

CÓ KHẢ NĂNG HƯỚNG THƯỢNG: Bởi vì càng quan sát chính mình, càng phát lộ những điều không tốt để cải thiện.

NGƯỜI TRÍ CÓ THỂ CHỨNG NGHIỆM ĐƯỢC: Bởi những ai có **TRÍ TUỆ** đều sẽ chứng nghiệm được **SỰ THẬT VÔ NGÃ** để giải thoát như nhau.

TẠI SAO TỨ NIỆM XÚ LÀ CON ĐƯỜNG ĐỘC NHẤT ĐI ĐẾN NIẾT BÀN

Nói như thế có nghĩa là không thể đi đến **CHẤM DỨT KHỔ ĐAU** bằng một con đường nào khác. Nói như vậy có cực đoan lắm không? Không lẽ các Pháp tu khác đều không đạt đến **NIẾT BÀN** được ư? -- Tôi không cực đoan đâu, tôi sẽ giải đáp rõ từng thắc mắc. Nhưng trước hết tôi xin đưa ra 3 lý do dễ hiểu, để thấy **TỨ NIỆM XÚ** phải là **CON ĐƯỜNG ĐỘC NHẤT** mà ai cũng phải đi qua đó, trên đường đi đến **NIẾT BÀN**:

MỘT BẠC GIÁC NGỘ PHẢI HIỂU RÕ

CHÍNH MÌNH: Không thể có một bậc giác ngộ, biết rõ mọi pháp mà chính mình thì chưa biết hết. Phải hiểu rõ chính mình thì mới có thể hiểu rõ mọi pháp. Bởi vì mọi pháp khác đều do mình mà thấy. Cho nên tất cả các bậc giác ngộ khi đi tìm kiếm con đường giải thoát, luôn luôn trở lại tìm hiểu chính mình. Mà tìm hiểu chính mình chính là phải thực hành TỨ NIỆM XÚ. Điều đó Đức Phật đã tâm sự qua 2 câu kinh Pháp cú 153, 154 như sau:

153. Lang thang bao kiếp sống
Ta tìm nhưng chẳng gặp
Người xây dựng nhà này
Khổ thay phải tái sanh.

154. Ôi người làm nhà kia
Người không làm nhà nữa
Đòn tay người bị gãy
Kèo cột người bị tan
Tâm ta đạt tịch diệt
Tham ái thấy tiêu vong

Tâm ta đạt TỊCH DIỆT, tham ái thấy tiêu vong, chính là thời điểm chứng ngộ VÔ NGÃ không còn thấy ta hiện diện ở nơi đâu: “Nhu lai không từ đâu tới, Nhu lai chẳng đi về đâu”.

PHẢI THỰC HÀNH TỨ NIỆM XÚ MỚI CÓ THỂ CHỨNG NGỘ VÔ NGÃ. VÔ NGÃ là THỰC TƯỚNG của BẢN NGÃ. Thực tướng này chỉ có thể khám phá ra khi BẢN NGÃ được khảo sát thấu đáo. Sự khảo sát BẢN NGÃ chính là sự thực hành thiền quán TỨ NIỆM XÚ. Do đó TỨ NIỆM XÚ đúng là CON ĐƯỜNG ĐỘC NHẤT để đi đến NIẾT BÀN. Vì đó là CON ĐƯỜNG phải đi để chứng ngộ VÔ NGÃ.

PHẢI THỰC HÀNH TỨ NIỆM XÚ MỚI CHẤM DỨT ĐƯỢC VÔ MINH. Đến NIẾT BÀN tức phải chấm dứt VÔ MINH. Mà VÔ MINH theo định nghĩa của Phật ở trong Tương Ứng Bộ Kinh là sự thiếu hiểu biết về 4 SỰ THẬT của TỨ THÁNH ĐẾ: 1) Sự thật về KHỔ, 2) sự thật về NGUYÊN NHÂN của KHỔ, 3) sự thật về CHẤM DỨT KHỔ, và 4) Sự thật về CON ĐƯỜNG đi đến CHẤM DỨT khổ. Mà tất cả 4 Sự thật đó đều được nhận ra từ trong chính TA. Nếu không quan sát chính TA bằng TỨ NIỆM XÚ thì làm sao nhận chân được “đây là KHỔ”, “đây là NGUYÊN NHÂN của KHỔ”, “Đây là sự CHẤM DỨT KHỔ”, hoặc “đây đích thực là CON ĐƯỜNG đi đến CHẤM DỨT KHỔ”. Khi đã nhận ra đầy đủ tất cả 4 SỰ THẬT, đó là lúc đã bắn xuyên thủng VÔ MINH, tận diệt mọi ĐAU KHỔ, chứng ngộ NIẾT BÀN. Lúc đó cũng như một bệnh nhân đã thấy rõ thân mình hoàn toàn an lành, không còn chút bệnh hoạn nào nữa.

SO SÁNH TỨ NIỆM XÚ VỚI CÁC PHÁP KHÁC

Đề ý rằng chúng ta cũng thường nghe Đức Phật nhắc nhở: Không có **BÁT CHÁNH ĐẠO** thì không thể có sự đắc chứng thánh quả nào hết, hoặc không thấu hiểu **TỨ THÁNH ĐẾ** thì không thể **CHẤM DỨT ĐAU KHỔ**. Những lời tuyên bố đó không mâu thuẫn với lời tuyên bố **TỨ NIỆM XÚ** là **CON ĐƯỜNG ĐỘC NHẤT** đi đến NIẾT BÀN. Bởi vì **TỨ NIỆM XÚ** chính là **CHÁNH NIỆM** ở trong **BÁT CHÁNH ĐẠO**, bởi vì **VÔ NGÃ** chính là **DIỆT ĐẾ**, là Sự Thật số 3 của **TỨ THÁNH ĐẾ**. **BÁT CHÁNH ĐẠO** cũng chính là **ĐẠO ĐẾ**, Sự

Thật số 4, của TỨ THÁNH ĐẾ. Như vậy nếu bỏ qua TỨ NIỆM XỨ thì kể như chưa đầy đủ BÁT CHÁNH ĐẠO, chưa đầy đủ TỨ THÁNH ĐẾ, do đó không đi đến NIẾT BÀN là chuyện tất nhiên.

Còn với các pháp khác, ví dụ như pháp NIỆM PHẬT A DI ĐÀ cầu về TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC, hoặc pháp THIỀN VÔ NIỆM của THIỀN TÔNG TQ để đi đến “HOÁT NHIÊN ĐẠI NGỘ” thì sao? Những pháp đó đều ra ngoài TỨ NIỆM XỨ nên không CHẤM DỨT KHỔ ĐAU được sao? Có người còn tuyên bố: “PHẬT PHÁP VỐN VÔ PHÁP” hoặc “VẠN PHÁP ĐỀU LÀ PHẬT PHÁP” thì sao nữa? -- Với các pháp vừa nói đó, thì tôi chỉ có một cách trả lời tổng quát, chung cho tất cả, là như thế này:

Trước hết người Phật tử nên phân biệt một pháp môn đưa đến sự AN LẠC và một pháp môn đưa đến TẬN DIỆT KHỔ ĐAU. Nếu chỉ nhắm mục đích tu hành để được AN LẠC hay AN VUI trong cuộc sống, thì có vô số pháp môn tu. NGOẠI ĐẠO cũng có cách tu thể đạt đến AN LẠC. Hầu hết các pháp môn mà Phật tử VN đang tu đều đưa đến AN VUI, AN LẠC. Nhưng AN LẠC hay AN VUI thì không phải là mục tiêu tu hành của Đạo Phật, bởi đó vẫn chỉ là một HẠNH PHÚC TẠM BỘ không hơn gì các HẠNH PHÚC THẾ GIAN.

Phải hiểu chính xác rằng. Đạo Phật ra đời chỉ để TẬN DIỆT KHỔ ĐAU cho chúng sanh chứ không chỉ đem đến AN LẠC TẠM BỘ. Bởi thế Đức Thế Tôn mới tuyên bố rằng **“Trước đây và hiện nay, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ.”** Mà muốn

CHẤM DỨT KHỔ thì dĩ nhiên phải thấu rõ tất cả 4 SỰ THẬT của TỨ THÁNH ĐẾ như Đức Phật đã tuyên bố trong kinh Chuyển Pháp Luân: **“Này chư tỳ kheo, từ xưa tới nay ta và các người không ra khỏi khổ bởi không hiểu rõ đầy đủ 4 THÁNH ĐẾ”**. Tức bởi không hiểu đầy đủ 4 sự thật này: 1) Sự thật về KHỔ, 2) Sự thật về NGUYÊN NHÂN của KHỔ, 3) Sự thật về CHẤM DỨT KHỔ, và 4) Sự thật về CON ĐƯỜNG đi đến CHẤM DỨT KHỔ.

Phật xác nhận lý do không ra khỏi khổ như vậy rất chí lý. Cũng ví như khi bạn bị đau khổ vì Bệnh, muốn tìm đến một ông bác sĩ để chữa trị, nhưng khi gặp ông bác sĩ khám bệnh xong ông ta tuyên bố “Tôi không biết BỆNH này là BỆNH gì?”, hoặc “Tôi không biết NGUYÊN NHÂN bệnh này do đâu ra?”, hoặc “Tôi không biết bệnh này có CHỮA LÀNH được hay không?”, hoặc “Tôi không biết CÁCH CHỮA cho bệnh này được lành”, thì chắc chắn bạn sẽ phải từ giả ông bác sĩ vô dụng đó. Bởi ông ta sẽ không giúp bạn chấm dứt đau khổ.

Hoặc cũng như một anh chàng sinh viên vào trường y khoa, học hành để thành một bác sĩ giỏi để có thể chữa hết mọi bệnh hoạn cho xã hội. Nhưng nếu trường đó không cung cấp cho anh ta đầy đủ kiến thức để định BỆNH, hoặc không đủ kiến thức để hiểu rõ NGUYÊN NHÂN của các thứ bệnh, hoặc không đủ kiến thức để hiểu về các sự LÀNH BỆNH, hoặc không đủ kiến thức để hiểu những PHƯƠNG CÁCH chữa lành bệnh, thì anh ta chắc chắn không bao giờ có thể trở thành một bác sĩ giỏi với trường y khoa đó.

Cũng thế, nếu một pháp môn không giúp ta

biết rõ SỰ THẬT về KHỔ, không giúp ta biết rõ SỰ THẬT về NGUYÊN NHÂN của KHỔ, không giúp ta biết rõ SỰ THẬT về CHẤM DỨT KHỔ, không giúp ta biết rõ về SỰ THẬT CON ĐƯỜNG đi đến CHẤM DỨT KHỔ, thì chắc chắn pháp môn đó không có khả năng CHẤM DỨT KHỔ ĐAU. Đó là cách bạn tự tìm ra câu trả lời cho các pháp môn khác, ra ngoài TỨ NIỆM XÚ, để xem nó có thể đi đến NIẾT BÀN được hay không?

Còn đối với những lời tuyên bố “PHẬT PHÁP VÔ VÔ PHÁP” hoặc “VẠN PHÁP LÀ PHẬT PHÁP” thì tôi xin miễn bàn. Vì những lời tuyên bố như vậy chẳng khác gì lời khuyên một bệnh nhân đang đau khổ rằng: “Không cần tìm cách chữa với một bác sĩ nào, bệnh anh cũng sẽ tự lành” hoặc: “cứ đi đến bất cứ ông bác sĩ nào, họ đều sẽ chữa lành cho anh”. Thực tế có như vậy không?

CHÁNH PHÁP của Phật thật sự đã được Phật xác định rất rõ ràng minh bạch. Trong Tương Ứng Bộ Kinh, Phật đã định nghĩa thế nào là **TU HÀNH CHƠN CHÁNH (đưa đến chấm dứt khổ đau)** như sau:

Những thiện nam tử nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã **chơn chánh xuất gia**, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; tất cả những vị ấy đã làm như vậy để như thật chứng ngộ bốn Thánh đế.

Những thiện nam tử nào trong thời vị lai, này các Tỷ-kheo, sẽ **chơn chánh xuất gia**, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; tất cả những vị ấy sẽ làm như vậy để như thật chứng ngộ bốn Thánh đế.

Những thiện nam tử nào trong thời hiện tại, này các Tỷ-kheo, **chơn chánh xuất gia**, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; tất cả những vị ấy làm như vậy để như thật chứng ngộ bốn Thánh đế. Thế nào là bốn?

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết: "Đây là Khổ", không như thật rõ biết: "Đây là Khổ tập", không như thật rõ biết: "Đây là Khổ diệt", không như thật rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt", thời này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy **không được Ta chấp nhận** là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn.

SỰ LIÊN HỆ GIỮA TỨ NIỆM XÚ, BÁT NHÃ, VÀ TỨ THÁNH ĐẾ.

Vì thiếu sót trong sự thực hành TỨ NIỆM XÚ nhiều vị Thầy, Tổ, TQ đã hiểu sai kinh tạng ĐẠI THỪA, ví dụ họ dùng kinh BÁT NHÃ để chê bai và hạ thấp giáo lý TỨ THÁNH ĐẾ. Một giáo lý mà chỉ các bậc Chánh Đẳng Chánh Giác mới có thể toàn triệt được. Tôi đã từng nghe nhiều vị tu hành Bắc Tông tuyên bố rằng “**Tiểu thừa tu pháp TỨ ĐẾ còn Bỏ Tắt Đại Thừa tu theo HẠNH BÁT NHÃ, nên KHÔNG CÓ PHÁP để tu, KHÔNG CÓ NIẾT BÀN để chứng**”. Họ tuyên bố như thế tại vì ở giữa kinh BÁT NHÃ có câu “**không KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO**”, “**Không CHÚNG cũng không ĐẮC**”.

Nếu BÁT NHÃ không có CHÚNG ĐẮC thì tại sao ở cuối kinh lại có câu “**CHƯ PHẬT 3 ĐỜI ĐẮC VÔ THƯỢNG GIÁC**” đều

nương vào BÁT NHÃ? Nếu BÁT NHÃ không có PHÁP đề tu thì tại sao ở đầu kinh lại có “HÀNH THÂM BÁT NHÃ”? Tức không những có HÀNH mà còn phải HÀNH THÂM nữa. Mà HÀNH như thế nào? -- Đó chính là **CHIẾU KIẾN NGŨ UẨN** đến độ thấy các uẩn đều không có TỰ TÁNH, chẳng có THỰC THỂ, tức chứng ngộ VÔ NGÃ.

Cho nên BÁT NHÃ chính là MINH SÁT TUỆ chính là TỨ NIỆM XÚ, Do đó BÁT NHÃ cũng nằm trong ĐẠO ĐẾ của TỨ THÁNH ĐẾ chứ không ở ngoài TỨ THÁNH ĐẾ. Trong kinh TỨ NIỆM XÚ, phần QUÁN PHÁP, cũng có dạy về pháp QUÁN 5 UẨN. Còn cái câu: “Chư Phật 3 đời đắc Vô Thượng Giác đều nương vào HÀNH THÂM BÁT NHÃ thì cũng một lần nữa xác nhận TỨ NIỆM XÚ là PHÁP ĐỘC NHẤT mà chư Phật 3 đời đều phải đi qua. ĐẮC VÔ THƯỢNG GIÁC là sự chứng ngộ của các bậc CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC về 4 THÁNH ĐẾ như Đức Phật đã tuyên dương dưới đây. Và sự chứng ngộ đó cũng do thực hành sung mãn TỨ NIỆM XÚ như đã nói ở trên.

"Này hỡi các Tỳ Khưu, ngày nào mà tri kiến tuyệt đối như thực của Như Lai về bốn pháp thánh đế, dưới ba sắc thái và mười hai phương thức chưa được hoàn toàn sáng tỏ thì, cho đến chừng ấy, Như Lai không xác nhận trước thế gian gồm chư Thiên, Ma Vương và Phạm Thiên, giữa các chúng sa môn, bà la môn, Trời và người, rằng Như Lai đã chứng ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (anuttaram samma-sambodhim).

Đến khi, này hỡi các Tỳ Khưu, tri kiến tuyệt đối như thực của Như Lai về bốn pháp thánh

đế, dưới ba sắc thái và mười hai phương thức, đã trở nên hoàn toàn sáng tỏ, chỉ đến chừng ấy, Như Lai mới xác nhận trước thế gian gồm chư Thiên, Ma Vương và Phạm Thiên, giữa các chúng sa môn, bà la môn, Trời và người, rằng Như Lai đã chứng ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”

Còn lý do tại sao BÁT NHÃ lại có câu “không KHỔ TẬP DIỆT ĐẠO”, “KHÔNG CHỨNG KHÔNG ĐẮC”? -- Vì đó là trình độ thấy của một bậc đã đạt đến VÔ NGÃ. Bởi VÔ NGÃ cho nên không còn thấy có ai để KHỔ, có ai gây ra sự khổ (TẬP), có ai Chứng (DIỆT), có ai Tu (ĐẠO). Do đó mà nói không KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO. Cũng bởi thế mà kinh KIM CANG mới có câu “Bồ Tát độ vô số chúng sanh vào NIẾT BÀN nhưng KHÔNG CÓ CHỨNG SANH NÀO vào niết bàn hết. Bởi vì đến NIẾT BÀN là đạt VÔ NGÃ là không còn ai để đến hay đi, ra hay vào.

VÔ NGÃ của TỨ NIỆM XÚ cũng chính là KHÔNG, VÔ TUỔNG, VÔ NGUYỆN. Nhưng cái KHÔNG của VÔ NGÃ, là một SỰ THẬT ở ngoài TÂM và THÂN, với một CON ĐƯỜNG RÕ RÀNG để đi đến đó. chứ không phải là cái KHÔNG do “TÂM KHÔNG” của một người còn phạm trần lý luận và suy diễn ra (KHÔNG này là một sản phẩm của TÂM phạm phu nên không phải là “CHƠN KHÔNG”).

Một bậc có sự GIÁC NGỘ thật sự, phải có khả năng diễn tả ĐẠO ĐẾ rõ ràng như là một SỰ THẬT để người TRÍ có thể CHỨNG NGHIỆM được. Chứ không lý luận loanh quanh như một thứ “TRIẾT LÝ

TÁNH KHÔNG” mơ hồ, KHÔNG CHÁNH, KHÔNG TÀ, KHÔNG ĐÚNG, KHÔNG SAI. Nếu không ĐÚNG không SAI mà vẫn ĐẮC được ĐẠO thì sự thật NHÂN QUẢ và BÁT CHÁNH ĐẠO đều VÔ GIÁ TRỊ. Tri Kiến kiểu đó chính là loại KIẾN HOANG VU, KIẾN TRỪ LÂM, KIẾN TRIỀN PHƯỚC, không thể CHẤM DỨT ĐAU KHỔ.

Cho nên các vị tu hành cần biết dứt khoát rằng phải tinh tấn thực hành TỨ NIỆM XÚ mới có thể có sự CHỨNG ĐẮC thực sự để hộ trì GIÁO PHÁP. Mỗi khi không còn ai thực hành TỨ NIỆM XÚ thì GIÁO PHÁP sẽ bị SUY TÀN. Đó là điều mà Phật đã khẳng định ở trong TUỒNG UNG Bộ Kinh, phẩm Tương Ưng TỨ NIỆM XÚ:

--"Do nhân gì, do duyên gì, thưa Tôn giả Gotama, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp không được tồn tại lâu dài? Do nhân gì, do duyên gì, thưa Tôn giả Gotama, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài?"

--"Do bốn niệm xứ không được tu tập, không được làm cho sung mãn, này Bà-la-môn, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp không có tồn tại lâu dài. Do bốn niệm xứ được tu tập, được làm cho sung mãn, thưa Hiền giả, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài."

Bởi sự quan trọng đó của pháp TỨ NIỆM XÚ mà ở trong kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN của cả NAM TÔNG lẫn BẮC TÔNG, Đức Phật đã di giáo rằng, sau khi ngài diệt độ người tu hành phải lấy pháp TỨ NIỆM XÚ làm ĐUỐC để soi sáng đường tu hành của mình, không cần nương tựa một gì khác. Nói như thế có nghĩa rằng với TỨ

NIỆM XÚ ta sẽ thấy rõ các pháp khác mà không bị hiểu lầm như trường hợp hiểu lầm KINH BÁT NHÃ của các vị Thầy, Tổ Trung Hoa đã đưa ra ở trên.

26. Vậy nên, này Ananda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác. Này Ananda, thế nào là vị Tỷ-kheo hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác?

Này Ananda, ở đời, vị Tỷ-kheo, **đối với thân quán thân, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời; đối với các cảm thọ... đối với tâm... đối với các pháp, quán pháp, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời** (đó chính là 4 NIỆM XÚ). Này Ananda, như vậy vị Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác.

Này Ananda, những ai sau khi Ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào một pháp gì khác, những vị ấy, này Ananda, là **những vị tối thượng trong hàng Tỷ-kheo của Ta**, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi.

Phải thấy rằng TỨ NIỆM XỨ là pháp tối quan trọng cho người tu hành. Người tu hành mà không thực hành TỨ NIỆM XỨ thì kể như một đứa trẻ đã lạc ra khỏi Trú Xứ của cha mẹ mình, rất dễ bị (Ác Ma) bắt cóc. Cho nên trong những lời di giáo trên, Đức Phật đã xác định thêm: Ai tinh tấn THỰC HÀNH TỨ NIỆM XỨ, thì được coi như là những vị **TỐI THƯỢNG TỶ KHEO**. Ngoài ra, cũng chưa có một pháp nào như pháp TỨ NIỆM XỨ, mà trong đó Phật đã khẳng định sự thành công trong một khoảng thời gian nhất định, cho những ai thực hành tinh tấn:

Này các Tỷ-kheo, vị nào tu tập Bốn Niệm xứ này như vậy trong bảy năm, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn.

Này các Tỷ-kheo, không cần gì đến bảy năm, một vị nào tu tập Bốn Niệm xứ này như vậy trong sáu năm, trong năm năm, trong bốn năm, trong ba năm, trong hai năm, trong một năm, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn.

Này các Tỷ-kheo, không cần gì đến một năm, một vị nào tu tập Bốn Niệm xứ này trong bảy tháng, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn. Này các Tỷ-kheo, không cần gì bảy tháng, một vị nào tu tập Bốn Niệm xứ này trong sáu tháng, trong năm tháng, trong bốn tháng, trong ba tháng, trong hai tháng, trong một tháng, trong nửa

tháng, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn.

Này các Tỷ-kheo, không cần gì nửa tháng, một vị nào tu tập Bốn Niệm xứ này trong bảy ngày, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại, hai là nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn. Này các Tỷ-kheo, đây là **con đường độc nhất** đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu Chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn. Đó là Bốn Niệm xứ.

LỜI KẾT:

Trên đây là những lời chia sẻ chân thành của tôi về CHÁNH PHÁP TỨ NIỆM XỨ. Pháp đã giúp cho tôi chứng nghiệm được nhiều điều lợi lạc và phát triển trí tuệ để hiểu chính xác những lời dạy sâu sắc của Phật trong cả 2 hệ thống kinh tạng NAM TÔNG và BẮC TÔNG. Muốn tu TỨ NIỆM XỨ một cách thành công, bạn nên **tu với tinh thần TRÍ TUỆ**, chỉ mong hiểu rõ cái BĂN NGÃ của mình, chứ **đừng tu với tinh thần THAM ÁI**, muốn đạt được cái gì hay cho BĂN NGÃ. Khi tu với tinh thần TRÍ TUỆ bạn sẽ không hề chán nản, trái lại còn thú vị, như một ông **KHOA HỌC GIA** say sưa nghiên cứu ở trong phòng thí nghiệm, quên ăn, quên ngủ, quên vợ, quên con. Bằng tu theo tinh thần THAM ÁI bạn sẽ mãi mãi bị che lấp bởi **VÔ MINH CHẤP NGÃ** và sẽ không bao giờ giác ngộ được **VÔ NGÃ**.

Mong rằng sự chia sẻ này sẽ đem đến lợi ích

cho nhiều Phật Tử. Nếu có điều gì tôi nói không đúng, xin cứ phê bình THẮNG THẦN. Tôi sẽ hoan hỷ đón nhận với tấm lòng biết ơn. Đã tu theo ĐẠO TRÍ TUỆ, ĐẠO SỰ THẬT, dĩ nhiên tôi phải TÔN KÍNH SỰ THẬT. Không TÔN KÍNH SỰ THẬT thì làm sao có thể GIÁC NGỘ được. Mọi câu hỏi, mọi góp ý, mọi phản biện xin email về GSNHUKHONG@GMAIL.COM Tôi đang cố gắng thành lập một **HỘI PHẬT HỌC THỰC NGHIỆM** rải rác ở khắp nơi, để giúp nhau chứng nghiệm được những lời Phật dạy. Nếu các bạn muốn tham gia thì xin cho biết, để tôi có thể chia sẻ thêm những **PHÁP HỌC** và **PHÁP HÀNH** sâu sắc hơn trong sự tu tập.

Cầu mong tất cả Phật tử đều tinh tấn tu hành để đón mừng mùa VESAK đang về. Hãy thệ nguyện tinh tấn hơn nữa từ đây cho đến sang năm, 2019, là ngày đến phiên nước VN ta tổ chức VESAK QUỐC TẾ.

Thân ái.
NHƯ KHÔNG



Mấy lần đau

Phổ Đồng

*Từ âm vọng,
của nguồn xưa muôn thuở
Hạt bụi này,
lăn lóc mấy lần đau?
Đi và đến,
chưa một lần thấy cũ
Môi hồng loang,
ánh hiện bóng chiều xiêu*

*Ta tan rã,
như tuyết mùa bão nổi,
Lại biến thành,
làn khói mỏng mong manh
Lưu lạc mãi,
tuổi đời đau canh cánh
Chuyện qua đi,
chuyện ngày cũ đâu rồi?*

*Hoàng hôn xuống,
bình minh nào níu được
Bến trắng ngàn
không chở nổi sao băng
Lời hẹn ước,
ta đành mang rao bán
Đổi tóc màu,
kéo lại bước thời gian?*

*Đời lỡ hẹn,
nay thôi đành câm nín
Ở nơi này,
và tất cả mai sau
Giờ chấp nhận
như trái sầu bông chín
Đủ sắc màu
và đủ cả vui đau*

Tịnh Độ Tông Trung Hoa, VN và Nhật Bản

Theo Wikipedia

Tịnh độ tông hay **Tịnh thổ tông** (zh. *jìngtǔ-zōng* 淨土宗, ja. *jōdo-shū*), có khi được gọi là **Liên tông** (zh. 蓮宗), là một pháp môn quyền khai của Phật giáo, trường phái này được lưu hành rộng rãi tại Trung Quốc, Nhật Bản và Việt Nam do Cao tăng Trung Quốc Huệ Viễn (zh. 慧遠, 334-416) sáng lập và được Pháp Nhiên (法然, ja. *hōnen*) phát triển tại Nhật. Mục đích của Tịnh độ tông là tu học nhằm được tái sinh tại Tây phương Cực lạc (sa. *sukhāvātī*) Tịnh độ của Phật A-di-đà. Đặc tính của tông này là lòng tin nhiệt thành nơi Phật A-di-đà và sức mạnh cứu độ của vị Phật này, là vị đã thệ nguyện cứu độ mọi chúng sinh quán tưởng đến mình. Vì thế chủ trương tông phái này có khi được gọi là "tín tâm", thậm chí có người cho là "dễ dãi", vì chỉ trông cậy nơi một lực từ bên ngoài (tha lực) là Phật A-di-đà.

Phép tu của Tịnh độ tông chủ yếu là niệm danh hiệu Phật A-di-đà và quán tưởng Cực lạc. Phép tu này cũng được Thiền tông và Mật tông thừa nhận và hành trì. Ba bộ kinh quan trọng của Tịnh Độ tông là:

Vô Lượng Thọ kinh (sa. *sukhāvātī-vyūha*)
A-di-đà kinh (sa. *amitābha-sūtra*) và
Quán Vô Lượng Thọ kinh (sa. *amitāyurdhyāna-sūtra*).

Ngày nay Tịnh độ tông là tông phái Phật giáo phổ biến nhất tại Trung Quốc, Nhật Bản và Việt Nam.

Năm 402, Huệ Viễn thành lập Bạch Liên xã, trong đó tăng sĩ và cư sĩ tụ tập trước tượng A-di-đà và nguyện thác sinh về cõi Cực lạc phương Tây. Như thế, Huệ Viễn được xem là sơ tổ của Tịnh độ tông. Sau đó Đàm Loan (zh. 曇鸞, 476-542) là người phát triển tích cực tông Tịnh độ. Sư cho rằng trong thời mạt pháp thì tự lực không còn đủ sức để giải thoát, Sư từ chối con đường "gian khổ" của những tông phái khác và chấp nhận giải pháp "dễ dãi" là dựa vào một tha lực là đức A-di-đà. Theo Sư, chỉ cần nhất tâm quán niệm danh hiệu A-di-đà là đủ để sinh về cõi của ngài. Sư viết nhiều luận giải về *Quán vô lượng thọ kinh*. Trong thời này tông Tịnh độ được truyền bá rộng rãi - vì so với các môn phái khác, tông này xem ra "dễ" hơn.

Mục đích của phép niệm danh hiệu A-di-đà là tìm cách chế ngự tâm. Thường thường hành giả tự đặt cho mình một chỉ tiêu niệm bao nhiêu lần. Phép quán niệm này được xem là có thể giúp hành giả "thấy" được A-di-đà và hai vị Bồ Tát tả hữu là Quán Thế Âm (sa. *avalokiteśvara*) và Đại Thế Chí (sa. *mahāsthāmaprāpta*) và biết trước được giờ chết của mình. Phép niệm này có thể thực hiện bằng cách đọc to hay đọc thầm, không nhất thiết phải có tranh tượng A-di-đà. Đó là cách tu thông thường nhất. Ngoài ra hành giả có thể thực hiện phép thứ 16 trong Vô lượng thọ kinh, bằng cách tạo linh ảnh của A-di-đà và thế giới Cực lạc, xem như hiển hiện trước mắt. Phép tu cao nhất của tông này là tự xem thể tính của mình chính là A-

di-đà. Tất cả mọi hành giả của Tịnh độ tông đều mong muốn được thấy A-di-đà trong một linh ảnh, đó là bằng chứng chắc chắn nhất sẽ được tái sinh trong cõi Cực lạc. Niệm danh hiệu và tạo linh ảnh là điều kiện "bên ngoài", lòng tin kiên cố nơi A-di-đà là điều kiện "bên trong" của phép tu này, với hai điều kiện đó thì hành giả mới được tái sinh nơi cõi Cực lạc.

Tịnh độ Tông tại Trung Quốc. Thật ra đường lối tu tập Tịnh độ tông phát triển ở Ấn Độ nhưng không lập thành tông phái, chỉ đến khi các kinh điển Tịnh độ từ Thiên Trúc được truyền sang Trung Hoa, pháp môn niệm Phật mới được thành lập tông phái và ngày càng lớn mạnh.

Chúng ta vẫn biết, dù Phật giáo truyền vào Trung Hoa từ cuối thế kỷ thứ I nhưng phải đến đầu thế kỷ thứ II, những kinh luận về Tịnh độ mới xuất hiện. Đầu tiên, vào năm 252, khi ngài Khang Tăng Khải từ Ấn độ đến Trung Hoa, đã dịch bộ “Kinh Vô Lượng Thọ” ra chữ Hán, giai đoạn này là vào thời Ngụy (250); kế đến thời Tôn Quyền, cư sĩ Chi Khiêm phát tâm phiên dịch bộ đại A Di Đà Kinh; mãi đến thế kỷ thứ IV, vào đời Diêu Tàn, ngài Cưu Ma La Thập mới bắt tay vào dịch bộ kinh “Phật Thuyết A Di Đà Kinh” còn được gọi là “Tiểu Bản Kinh A Di Đà” mà ngày nay giới Phật tử chúng ta thường đọc tụng. Tiếp theo, các ngài Phật-đà-bạt-đà-la (Giác Hiền) dịch Tân Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Niệm Phật Tam Muội Kinh; ngài Trí Nghiêm dịch Tịnh Độ Tam Muội.

Sang thế kỷ thứ V, vào thời Lưu Tống, ngài Cương Lương Da Xá phiên dịch bộ “Kinh

Quán Vô Lượng Thọ”. Đặc biệt, bộ “Vãng Sanh Tịnh Độ Luận” đã được ngài Thế Thân giảng luận rất sâu sắc, tinh tế. Đây là bộ luận rất có giá trị cho những người tu theo pháp môn Tịnh độ. Trước sự ra đời của ba bộ kinh: “Vô Lượng Thọ”, “Tiểu Bản Kinh A Di Đà” và “Quán Vô Lượng Thọ” kết hợp với bộ “Vãng Sanh Tịnh Độ Luận” cùng vô số kinh điển Đại thừa ca ngợi, xiển dương Tịnh Độ làm cho Tịnh Độ ngày càng khởi sắc. Ngài ra từ căn bản của những kinh sách Tịnh Độ đã được phiên dịch ra chữ Hán, các bậc cao Tăng thời bấy giờ còn trước tác nhiều bộ luận quan trọng về Tịnh Độ. Có thể nói bước sang giai đoạn này thì Tịnh Độ tông không những đã có nền móng vững chắc mà còn phát triển rực rỡ tại Trung Hoa.

Về sau, đến thời Đông Tấn, Pháp sư Đạo An đã trước tác bộ “Tịnh Độ Luận” có nội dung khẳng định Tịnh Độ tông là một chánh tông trong Phật pháp. Cũng trong thời Đông Tấn, ngài Huệ Viễn đã quy tụ trên 130 người gồm cả Nho, Lão, và Phật tử mở ra hội “Bách Liên Xã” ở núi Lô Sơn, tỉnh Giang Tây. Hội này chuyên ròng niệm Phật, phát nguyện vãng sanh về Tây phương Cực Lạc. Đức hạnh của Huệ Viễn Đại sư và những thành viên trong hội này đã làm dân chúng trong vùng hết lòng kính ngưỡng, và học theo phương pháp niệm Phật của Ngài.

Kế tiếp sau đó là ngài Đàm Loan sống vào thời nhà Ngụy, trước tu pháp “Trường sinh” của đạo Tiên, nhân được ngài Bồ Đề Lưu Chi từ Ấn Độ sang, trao cho Ngài bộ kinh “Quán Vô Lượng Thọ”, nhờ vậy mà Ngài đã bỏ đạo Tiên quay sang đạo Phật, xiển dương Tịnh Độ. Ngài Đàm Loan trước tác bộ “Vãng Sanh Luận Chú”, có thể nói đây là bộ luận danh

tiếng của Tịnh Độ tại Trung Hoa thời bấy giờ. Sau ngài Đàm Loan là ngài Đạo Xước (đồ đệ của ngài Đàm Loan) sống vào đời Đường, hoằng truyền pháp môn Tịnh Độ. Thường nhật Ngài chuyên giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ tại chùa Huỳnh Trung, công phu niệm Phật của Ngài có nhiều thọ dụng nên hiển hiện ra nhiều điều linh ứng. Ngài trước tác tập “An Lạc” có nội dung ca ngợi sự linh ứng của pháp môn niệm Phật, qua đó tăng trưởng Tín Hạnh Nguyện cho người tu theo pháp môn niệm Phật.

Sau ngài Đạo Xước là ngài Thiện Đạo trụ trì chùa Quang Minh ở Trường An, ngài Thiện Đạo rất tinh chuyên niệm Phật và ra sức hoằng dương giáo nghĩa Tịnh Độ. Ngài ra Ngài còn trước tác ra những bộ luận quan trọng như: Quảng Kinh Tứ Nhiếp Sớ, Đại Sớ và Tịnh Độ Pháp Yếu. Đây là những bộ luận giảng về tông chỉ Tịnh Độ rất sâu sắc thiết thực. Trong hàng đệ tử của ngài có Đại sư Hồi Cảm, rất giỏi về Pháp Tướng Tông, nhưng về sau chuyên tu theo Tịnh Độ. Ngài Hồi Cảm có soạn cuốn “Quyết Nghi Luận”, nội dung phá nghi, làm sáng tỏ giáo nghĩa Tịnh Độ.

Kể đến có Thiền sư Pháp Chiếu cũng xiển dương Tịnh Độ tông, Ngài từng thấy đức Văn Thù, đức Phổ Hiền và Thiện Tài Đồng Tử. Mọi người cho rằng Ngài là hóa thân của Hòa thượng Thiện Đạo. Sau Thiền sư Pháp Chiếu có Pháp sư Thiếu Khương, là người thông suốt Luật tạng, chuyên nghiên cứu kinh Hoa Nghiêm, lãnh hội yếu chỉ Pháp Tướng tông, trí tuệ siêu việt, về sau Ngài cũng tu theo pháp môn niệm Phật, thường khuyến mọi người phát nguyện cầu vãng sanh về Tây phương Cực Lạc.

Ngài Trí Giả ở Thiên Thai, ngài Cát Tạng trụ trì chùa Gia Tường, ngài Pháp Thường ở chùa Phổ Quang, ngài Nguyên Hiểu, ngài Cảnh Hưng vv... đều là những bậc Đại sư lãnh hội yếu chỉ Phật pháp, dù các ngài có phát huy tông phái riêng của mình nhưng vẫn một lòng xiển dương Tịnh Độ. Hầu hết các Đại sư này đều xác tín Tịnh Độ là một pháp môn hợp mọi căn cơ, phù hợp với thời đại và làm lợi ích cho chúng sanh thời mạt pháp.

Căn cứ vào những sử liệu hiện nay đang có thì các ngài Huệ Viễn, ngài Thiện Đạo, ngài Thừa Viễn, ngài Pháp Chiếu, ngài Thiếu Khương, ngài Diên Thọ, ngài Tĩnh Thường, ngài Châu Hoằng được người đời sau suy tôn là tám vị Tổ sư đầu tiên của Tịnh Độ tông tại Trung Hoa. (có tài liệu ghi rằng ngài Thạch Chí Hiểu sống vào đời nhà Tống đã thừa hành các bậc cao Tăng thạc đức thời bấy giờ lập theo thứ tự truyền thừa để suy tôn).

Đến đời nhà Minh, ngài Ngô Khai đề cử ngài Ngẫu Ích làm Tổ thứ chín kế thừa ngài Châu Hồng. Sau đó, ngài Ân Quang đã hợp các bậc cao Tăng thạc đức tu pháp môn niệm Phật tại đạo tràng Linh Nham. Tại đây chúng hội đã suy tôn ngài Hành Sách làm Tổ thứ mười, suy tôn ngài Thật Hiền lên ngôi vị thứ mười một và Tế Tĩnh Đại sư lên ngôi vị thứ mười hai. Sau khi Đại sư Ân Quang viên tịch, các liên hữu đã suy tôn Ngài lên ngôi vị Tổ thứ mười ba của Tịnh Độ tông.

Tịnh Độ Tông tại Việt Nam, pháp môn niệm Phật chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống tâm linh của người con Phật. Ngay từ ngày đầu du nhập, câu “Nam mô A Di Đà

Phật” đã ăn sâu vào tâm thức người Việt Nam, do bởi ngay trong câu Phật hiệu này, đã nói lên tâm lòng từ bi bao dung độ lượng của người con Phật, nó rất gần gũi với nếp sống hiền lương của người dân Việt.

Pháp môn Tịnh Độ du nhập vào Việt Nam trước thế kỷ thứ III, thế nhưng mãi đến thế kỷ thứ V, Tịnh độ tông mới thật sự phát triển. Giai đoạn này, các bộ kinh “Vô Lượng Thọ” và “Quán Vô Lượng Thọ” đã được nhà sư Đàm Hoằng người Trung Quốc mang vào nước ta, điều này đã giúp cho sự lưu thông của pháp môn Tịnh Độ thêm phổ biến.

Sang đến thế kỷ XI, vua Lý Thánh Tông (1023-1072) tuy thuộc thế hệ thứ nhất dòng thiền Thảo Đường, nhưng vẫn thường trì danh niệm Phật. Vào năm 1066, vua Lý Thánh Tông đã cho tạc một pho tượng Phật A Di Đà rất đẹp, tôn thờ tại tháp chùa Vạn Phúc. Ngày nay pho tượng này vẫn còn lưu giữ tại chùa Phật Tích (Vạn Phúc tự) tỉnh Bắc Ninh.

Đến thế kỷ XII, có Thiền sư Tịnh Lực (1111-1175), tuy thuộc thế hệ thứ mười Thiền phái Vô Ngôn Thông, nhưng Ngài vẫn âm thầm mật tu Tịnh độ và thâm chứng “Niệm Phật Tam Muội”. Đặc biệt, vào thế kỷ XIII, vua Trần Thái Tông (1218-1277) đã dành hẳn thiên “Niệm Phật Luận” để bàn về niệm Phật trong “Khóa Hư Lục”, nội dung nói về lợi ích của pháp môn niệm Phật, qua đó khẳng định sự thù thắng nhiệm mầu, phù hợp mọi căn cơ của pháp môn niệm Phật.

Từ thế kỷ XVII trở về sau, pháp môn Tịnh Độ phát triển rất mạnh mẽ tại Việt Nam. Trong giai đoạn này, một số trước tác về Tịnh Độ tông có giá trị như: “Bồ Đề Yếu Nghĩa” của Pháp sư Viên Văn Chuyết

Chuyết (1590-1644), “A Di Đà Kinh Sớ Sao” của Đại Sư Minh Châu Hương Hải v.v... Đến thời cận đại chúng ta, đa số chư vị Hòa thượng đều xiển dương pháp môn Tịnh Độ, có thể kể đến: Hòa thượng Phước Huệ, Hòa thượng Khánh Anh, Hòa thượng Thiên Hoa, Hòa thượng Trí Tịnh, Hòa thượng Thiền Tâm v.v... các Ngài đều là những bậc cao Tăng thạc đức, hết lòng phụng sự đạo pháp, suốt một đời chuyên tu Tịnh Độ và khuyên người niệm Phật.

Tịnh độ tông Nhật Bản vốn có nguồn gốc từ Tịnh độ tông Trung Quốc, được Viên Nhân (zh. 圓仁, ja. *ennin*, 793-864) truyền sang Nhật song song với giáo lý của Thiên Thai tông và Mật tông mà sư đã hấp thụ trong thời gian du học tại Trung Quốc. Sư là người truyền bá phương pháp Niệm Phật, niệm danh hiệu của Phật A-di-đà. Những vị nổi danh của tông này trong thời gian đầu là Không Dã Thượng Nhân (空也上人, ja. *kūya shōnin*, 903-972), cũng được gọi là Thị Thánh (市聖), "Thánh ở chợ", và Nguyên Tín (源信, ja. *genshin*, 942-1017). Trong thời này, niệm Phật là một thành phần trong việc tu hành của tất cả các tông phái tại Nhật, đặc biệt là Thiên Thai và Chân ngôn tông.

Trong thế kỉ 12, Pháp Nhiên (zh. 法然, ja. *hōnen*, 1133-1212) chính thức thành lập tông Tịnh độ. Sư muốn mở một con đường tu tập mới, "dễ đi" trong thời mật pháp cho những người sống đau khổ. Sư rất thành công trong việc thuyết phục quần chúng và rất nhiều người quy tụ lại, thành lập một trường phái rất mạnh. Vì sư tự tôn giáo lý

mình - cho rằng đó là giáo lý tốt cùng - nên không thoát khỏi sự tranh chấp đềm pha. Sư bị đày ra một vùng hoang vắng năm 74 tuổi.

Giáo lý cơ sở của Pháp Nhiên dựa trên các bộ *Vô Lượng Thọ kinh* (sa. *sukhāvati-vyūha*), *A-di-đà kinh* (sa. *amitābha-sūtra*) và *Quán vô lượng thọ kinh* (sa. *amitāyurdhyāna-sūtra*). Cách tu hành của tông này chỉ là việc tụng câu "Nam-mô A-di-đà Phật" (ja. *namu amida butsu*). Việc niệm danh Phật rất quan trọng để phát triển lòng tin nơi Phật A-di-đà, nếu không thì hành giả không thể nào thác sinh vào cõi của ngài, mục đích chính của việc tu hành của tông này. Ngược với Tịnh độ chân tông, hành giả của tông này sống một cuộc đời tăng sĩ.

Không Dã Thượng Nhân là người đầu tiên tín ngưỡng đức A-di-đà và truyền bá công khai việc niệm Phật giữa chợ và vì vậy mang biệt hiệu là Thị Thánh. Sư nhảy múa ở ngoài đường và ca tụng danh hiệu A-di-đà theo nhịp gõ của bình bát trên tay. Lương Nhẫn (zh. 良忍, ja. *ryōnin*), một Cao tăng thuộc Thiên Thai tông đã nổi danh trong việc tín ngưỡng và tán tụng đức A-di-đà trong những bài hát. Sư chịu ảnh hưởng mạnh của hai tông Thiên Thai và Hoa Nghiêm và trên cơ sở này, Sư phát triển một cách "Dụng thông niệm Phật" (zh. 融通念佛): Nếu một người nào đó niệm Phật thì công đức này sẽ đến với tất cả những người khác và ngược lại, ai cũng có phần của mình trong việc tụng niệm danh Phật. Cách diễn giảng giáo lý của sư như trên thuyết phục được nhiều người trong vương triều và sau khi tịch, giáo lý này được các vị đệ tử kế thừa.

Nguyên Tín (zh. 源信, ja. *genshin*), một Cao tăng trên núi Tỉ Duê (zh. 比叡) - trung tâm của các trường phái tín ngưỡng A-di-đà - tin chắc rằng, có một con đường đưa tất cả chúng sinh đến giải thoát. Sư trình bày phương pháp tu tập của mình trong *Vãng sinh yếu tập* (zh. 往生要集), một quyển sách nói về niềm tin nơi đức A-di-đà. Trong sách này, Sư trình bày trong mười phẩm những hình phạt khủng khiếp dưới Địa ngục và ích lợi của cách tu hành niệm Phật. Sư tự tin là mình đã tìm biết được hai tính chất đặc thù của con người là: tâm trạng sợ hãi kinh khiếp địa ngục và lòng khao khát được tái sinh vào cõi Cực lạc. Quyển sách này là một trong những tác phẩm có ảnh hưởng lớn nhất trong truyền thống tín ngưỡng Phật A-di-đà tại Nhật. Sư không những viết sách phổ biến giáo lý của mình mà còn sử dụng hội họa, nghệ thuật tạc tượng để truyền bá tông phong của mình đến những người ít học. Nhưng đến đây, việc tôn thờ A-di-đà Phật vẫn chưa là một trường phái độc lập, mà chỉ là một thành phần tu học của những tông phái tại đây.

Với Pháp Nhiên, Tịnh độ tông chính thức được hình thành. Sư quan niệm rằng, đa số con người không thể đi con đường khó, hoàn toàn tin vào tự lực trong thời mạt pháp và cơ hội duy nhất của họ là tin vào sự hỗ



Về bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ◆ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ◆ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ◆ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ◆ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ◆ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học



HỘ PHÁP

Phật Học Inc
7913 Rochelle Road
Louisville, KY 40228-2379

NON-PROFIT ORG.
U.S. POSTAGE PAID
LOUISVILLE, KY
PERMIT NO. 368

To: